MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP 5
1.1. Nhiệm vụ kế tóan nguyên vật liệu 5
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu 5
1.1.2. Đặc điểm nguyên vật liệu 5
1.1.3. Vị trí, vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất 5
1.1.4. Sự cần thiết phải quản lý nguyên vật liệu 6
1.1.5. Vai trò và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu 8
1.2. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu 9
1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu 9
1.2.2. Tính giá nguyên vật liệu 11
1.2.2.1. Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho 12
1.2.2.2. Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho 13
1.3. Hạch tóan chi tiết nguyên vật liệu 15
1.3.1. Yêu cầu hạch toán chi tiết nguyên vật liệu 15
1.3.2. Các chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng 16
1.3.3. Các phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu 17
1.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu 20
1.4.1. Yêu cầu hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu 20
1.4.2. Tài khoản sử dụng 22
1.4.3. Các phương pháp hạch toán 24
1.4.3.1. Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên 24
1.4.3.2. Kế toán nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ 27
1.5. Tổ chức hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán 30
CHƯƠNG 2: THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NẶNG VÀ XÂY DỰNG HÀN -VIỆT (HANVICO) 31
2.1. Khái quát chung về Công ty Hanvico. 31
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Hanvico. 31
2.1.2. Lĩnh vực sản xuất của Công ty Hanvio. 31
2.1.3. Quy trình công nghệ sản xuất tại Công ty Hanvico. 32
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Hanvico. 33

2.1.5. Tổ chức công tác kế tóan tại Công ty Hanvico. 36
2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Hanvico. 36
2.1.5.2. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty Hanvico. 37
2.1.5.3. Hệ thống tài khỏan sử dụng tại Công ty Hanvico. 38
2.1.5.4. Hệ thống sổ kế toán Công ty sử dụng. 39
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico. 40
2.2.1. Đặc điểm tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico. 40
2.2.1.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu tại Công ty. 40
2.2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico. 41
2.2.2.3. Đặc điểm quy trình quản lý nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico. 42
2.1.5. Quy trình quản lý nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico. 42
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico. 43
2.2.2.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico. 43
2.2.2.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico. **.....45**
2.2.2.3. Kế tóan chi tiết vật liệu ở kho. **.....46**
2.2.2.4. Kế tóan chi tiết nguyên vật liệu ở phòng kế toán. **.....47**
2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán tổng hợp vật liệu tại Công ty Hanvico. **.....51**
2.2.3.1. Kế tóan tổng hợp nhập nguyên vật liệu. **.....51**
2.2.3.1. Kế tóan tổng hợp xuất nguyên vật liệu. **.....57**
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TÓAN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CÔNG NGHIỆP NẶNG VÀ XÂY DỰNG HÀN-VIỆT 61
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán và quản lý nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico. **.....62**
3.1.1. Ưu điểm: **.....62**
3.1.2. Nhược điểm: **.....64**
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico. **.....65**
KẾT LUẬN 66

LỜI MỞ ĐẦU

Bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới, các doanh nghiệp đều đóng góp một phần không nhỏ cho các công trình phúc lợi, giải quyết việc làm. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay thì vai trò của các doanh nghiệp trong sự phát triển kinh tế đất nước càng được khẳng định rõ. Một quốc gia càng mở rộng, phát triển quan hệ quốc tế bao nhiêu thì xét cho cùng các doanh nghiệp càng phát triển tốt bấy nhiêu. Hội nhập mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng mang lại cho các doanh nghiệp không ít thách thức khó khăn. Điều này khiến các doanh nghiệp luôn cố gắng nâng cao doanh thu, giảm thiểu chi phí nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ và thu được nhiều lợi nhuận. Doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường, đòi hỏi phải có khả năng nắm bắt nhu cầu thị trường. Để đạt mục tiêu này, nhà quản lý doanh nghiệp phải nhận thức rõ vai trò của các thông tin kinh tế: quan hệ cung - cầu, mặt bằng giá cả, tình trạng cạnh tranh, môi trường kinh doanh của doanh nghiệp…. Từ đó căn cứ vào các yếu tố đầu vào để có phương án sản xuất tối ưu.

Nguyên liệu, vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, nó chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và trong giá thành của doanh nghiệp, có tác động trực tiếp đến chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp. Đây còn là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng phản ánh trình độ quản lý, sử dụng vật tư, trình độ tổ chức công nghệ sản xuất sản phẩm, là cơ sở để kế toán tính đúng chi phí sản xuất cho từng đơn vị sản phẩm và tổng giá vốn hàng bán. Việc hạch toán vật liệu không chỉ dừng lại ở chỗ phản ánh chính xác tình hình biến động của vật liệu mà còn cung cấp thông tin cho các hoạt động quản trị của doanh nghiệp. Nhất là trong điều kiện hiện nay, sử dụng vật tư có hiệu quả là một mục tiêu quan trọng giúp doanh nghiệp hạ giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động. Do đó, việc tổ chức công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu một cách khoa học, hợp lý, phù hợp với đặc điểm tổ chức, hoạt động kinh doanh và công nghệ sản xuất là một yêu cầu quan trọng của doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Công nghiệp và Xây dựng Hàn-Việt (Hanvico), nhận thấy được tầm quan trọng của nguyên vật liệu đối với sản xuất và công tác kế toán nguyên vật liệu, em đã lựa chọn đề tài "Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Công nghiệp và Xây dựng Hàn-Việt (Hanvico)".

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khoá luận của em có kết cấu như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu Công ty TNHH Công nghiệp và Xây dựng Hàn-Việt (Hanvico).

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Công nghiệp nặng và xây dựng Hàn-Việt (Hanvico)

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu để hoàn thành bài khóa luận, song em cũng không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định, em mong được sự chỉ bảo tham gia góp ý của các bác trong ban lãnh đạo, các cô chú trong phòng tài chính - kế toán, đặc biệt là sự góp ý của thầy cô giáo giúp em bổ sung và hoàn thiện bài khoá luận đạt kết quả tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Nhiệm vụ kế tóan nguyên vật liệu

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu

Nguyên liệu, vật liệu của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu thuộc loại hàng tồn kho của doanh nghiệp và là những đối tượng lao động được thể hiện dưới dạng vật hoá như sắt, thép trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo, sợi trong doanh nghiệp dệt, vải trong doanh nghiệp may mặc.... Nguyên vật liệu tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị nguyên vật liệu được chuyển hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đó là những đối tượng lao động khi tham gia vào quá trình sản xuất sẽ cấu thành nên thực thể của sản phẩm.

1.1.2. Đặc điểm nguyên vật liệu

Thứ nhất, về mặt vốn: Nguyên vật liệu là thành phần quan trọng của vốn lưu động, đặc biệt là vốn dự trữ của doanh nghiệp. Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, doanh nghiệp cần phải tăng tốc luân chuyển vốn lưu động và điều đó không thể tách rời việc dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả, hợp lý nhất.

Thứ hai, về mặt giá trị: khác với tư liệu lao động, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nguyên vật liệu bị tiêu hao toàn bộ, không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu và chuyển dịch toàn bộ giá trị một lần vào chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

1.1.3. Vị trí, vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất

Như chúng ta đã biết để chế tạo ra của cải vật chất của xã hội thì phải đủ 3 yếu tố cơ bản: đối tượng lao động, tư liệu lao động và sức lao động. Khi xã hội ngày càng phát triển thì tư liệu lao động cũng ngày càng hiện đại hơn, máy móc thiết bị được áp dụng vào trong quá trình sản xuất ngày càng nhiều và của cải xã hội cũng vì thế nhiều thêm. Tuy nhiên, để bắt đầu một giai đoạn sản xuất nào thì cũng phải cần đến nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu ở đây có thể hiểu là đối tượng lao động

đã được thay đổi do lao động có ích của con người tác động vào. Còn xét về mặt giá trị, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh và chuyển dịch một lần toàn bộ giá trị sản phẩm mà nó tạo ra, trong doanh nghiệp nguyên vật liệu là tài sản ngắn hạn thuộc nhóm hàng tồn kho.

Trong doanh nghiệp sản xuất, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn trong giá thành sản phẩm. Nguyên vật liệu có rất nhiều chủng loại, nguồn gốc khác nhau, dễ mất mát lãng phí trong quá trình thu mua, vận chuyển và sử dụng nên đòi hỏi công tác quản lý sử dụng có hiệu quả là vô cùng cần thiết. Việc tổ chức tốt quá trình bảo quản và sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu có vai trò lớn trong việc tối thiểu hoá chi phí, hạ giá thành sản phẩm tức góp phần tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, một trong những mục tiêu mà mọi doanh nghiệp đều hướng tới.

Trong điều kiện kinh tế thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay thì chất lượng sản phẩm là yếu tố cơ bản để một doanh nghiệp có thể đứng vững được trên thị trường. Mà chất lượng sản phẩm lại phụ thuộc rất lớn vào chất lượng nguồn nguyên vật liệu, việc cung cấp đầy đủ kịp thời nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất, đảm bảo cho sản xuất diễn ra thường xuyên liên tục không bị ngừng trệ, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường chính là điều kiện để doanh nghiệp khẳng định vị trí của mình.

1.1.4. Sự cần thiết phải quản lý nguyên vật liệu

Quản lý và sử dụng nguyên vật liệu có hiệu quả có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình sản xuất của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, để có được biện pháp tốt nhất thì phải hiểu được đặc điểm cũng như vai trò cần thiết của chúng. Như chúng ta đã biết, nguyên vật liệu là đối tượng lao động, giá trị nguyên vật liệu kết tinh trong giá trị sản phẩm sản xuất ra. Khi tham gia và quá trình sản xuất nguyên vật liệu không giữ nguyên hình thái giá trị vật chất ban đầu.

Quản lý nguyên vật liệu là yêu cầu khách quan của mọi nền kinh tế. Trải qua các giai đoạn phát triển của lịch sử, các mức độ quản lý và phương pháp quản lý cũng khác nhau và ngày một được hoàn thiện.

Vì vậy, quản lý nguyên vật liệu là đòi hỏi tất yếu mà doanh nghiệp nào cũng phải quan tâm và có biện pháp cụ thể thiết thực. Quản lý nguyên vật liệu ở đây không những về mặt hiện vật mà về cả mặt giá trị trong các khâu từ khâu thu mua, dự trữ, bảo quản đến khâu sử dụng.

- *Khâu thu mua:* Để đáp ứng nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp thì nguồn nguyên vật liệu chủ yếu là do thu mua, vì vậy trong quá trình thu mua phải xác định được nguồn thu mua và phải quản lý cả về số lượng, chất lượng, quy cách, mẫu mã, giá cả, địa điểm sao cho phù hợp và thuận tiện nhất, có như vậy sẽ góp phần hạ thấp được hao phí nguyên vật liệu trong giá thành.

- *Khâu bảo quản:* Nguyên vật liệu mua về phải có hệ thống kho tàng bến bãi, cách thức bảo quản khoa học, hợp lý nhằm giữ nguyên chất lượng, giảm thiểu thấp nhất những chi phí có thể xảy ra. Đối với mỗi loại nguyên vật liệu phải thực hiện đúng các chế độ bảo quản, xác định mức dự trữ tối thiểu và tối đa cho từng loại nhằm giảm bớt thấp nhất những hao hụt mất mát chất lượng nguyên vật liệu.

- *Khâu dự trữ:* Đây cũng là một khâu hết sức quan trọng bởi xác định được lượng dự trữ vừa đủ sẽ đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra liên tục thường xuyên, đúng hợp đồng, đồng thời tránh được lãng phí gây ứ đọng vốn, hao hụt mất mát do dự trữ quá nhiều.

- *Khâu sử dụng:* Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, vì vậy sử dụng đúng định mức yêu cầu kỹ thuật, đúng loại và đúng quy trình sản xuất sẽ đảm bảo hạ giá thành sản xuất, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Ngoài việc quản lý nguyên vật liệu về mặt hiện vật, thường xuyên kiểm kê, tránh gây mất mát thì quản lý về mặt giá trị cũng rất quan trọng. Tránh để tình trạng ứ đọng nguyên vật liệu, làm cho chất lượng bị giảm (như ẩm mốc, hết hạn sử dụng...). Các nguyên nhân chủ yếu làm giảm chất lượng giá trị sử dụng của nguyên vật liệu, chủ yếu do các nguyên nhân khách quan như: mưa gió, lũ lụt... và do các nguyên nhân chủ quan: hết hạn sử dụng... Vì vậy, để tránh tình trạng này các doanh nghiệp cần hết sức chú ý đến khâu bảo quản, phải thường xuyên cải tạo

nâng cấp kho tàng bến bãi, phân công trách nhiệm cụ thể đến từng cá nhân, nâng cao ý thức trách nhiệm cho người lao động.

1.1.5. Vai trò và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu

Trong công tác quản lý tổ chức sản xuất kinh doanh, kế toán là công cụ quan trọng để quản lý các hoạt động kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ sử dụng tài sản vật tư, tiền vốn trong doanh nghiệp. Vì vậy, trong công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu, kế toán có vai trò và nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Thông qua hạch toán kế toán nguyên vật liệu chính xác kịp thời sẽ cung cấp cho các nhà quản lý nắm bắt được tình hình thu mua nhập, xuất, dự trữ nguyên vật liệu, chất lượng chủng loại, số lượng có đáp ứng được nhu cầu sản xuất hay không, từ đó có biện pháp tổ chức quản lý và sử dụng hợp lý.

Việc quản lý, sử dụng hiệu quả tiết kiệm nguyên vật liệu sẽ có ý nghĩa thiết thực trong công tác kiểm soát và quản lý có hiệu quả được chi phí, giá thành cũng như công tác kế toán, xác định kết quả kinh doanh.

Xuất phát từ vai trò trên, để đáp ứng được yêu cầu kế toán quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện tốt việc phân loại đánh giá nguyên vật liệu phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực kế toán đã quy định và yêu cầu trong quản trị doanh nghiệp.
- Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập xuất tồn kho. Xác định đúng giá trị vốn của nguyên vật liệu nhập xuất kho nhằm cung cấp thông tin chính xác kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý sản xuất.
- Tập hợp và phản ánh đầy đủ, chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu xuất kho. Kiểm tra tình hình và chấp hành các quy định về định mức tiêu hao nguyên vật liệu.
- Phân bổ hợp lý giá trị sử dụng vào các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch thu mua nguyên vật liệu, kế hoạch sử dụng cho sản xuất. Tổ chức đánh giá nguyên vật liệu tồn kho theo đúng chế độ

quy định. Phát hiện kịp thời nguyên vật liệu thiếu thừa và ứ đọng, kém phẩm chất để doanh nghiệp có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế mức tối đa thiệt hại có thể xảy ra.

- Tổ chức chứng từ, tài khoản kế toán, sổ kế toán phù hợp với phương pháp hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp để việc ghi chép phân loại tổng hợp số liệu đầy đủ, kịp thời với mục đích cuối cùng là cung cấp thông tin lập báo cáo tài chính và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu

1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu

Để đảm bảo cho quá trình quản lý và sử dụng có hiệu quả thì việc phân loại nguyên vật liệu là rất cần thiết bởi mỗi cách phân loại khác nhau sẽ có ý nghĩa khác nhau cho người quản lý và sử dụng.

Trong doanh nghiệp, để tiến hành sản xuất thì cần rất nhiều loại nguyên vật liệu. Việc phân loại nguyên vật liệu có cơ sở khoa học hợp lý là điều kiện để có thể quản lý một cách chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết phục vụ cho công tác quản lý trong doanh nghiệp.

**** Căn cứ vào nội dung kinh tế và yêu cầu quản trị doanh nghiệp, nguyên vật liệu được chia thành:***

- *Nguyên liệu, vật liệu chính:* Là những loại nguyên vật liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy, khái niệm nguyên vật liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể, ở các doanh nghiệp khác nhau thì nguyên liệu, vật liệu chính cũng khác nhau. Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra sản phẩm. Cụ thể như: sắt thép trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí chế tạo, mía trong các doanh nghiệp sản xuất đường, vải trong các doanh nghiệp may mặc...Cũng có thể sản phẩm của doanh nghiệp này lại là nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp khác.

- *Vật liệu phụ:* là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành thực thể chính của sản phẩm, nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bên ngoài, tăng thêm chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường, hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói, phục vụ cho quá trình lao động, ví dụ như: thuốc nhuộm, bao bì, nhãn mác....
- *Nhiên liệu:* là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể khí và thể rắn như: xăng, dầu, than, củi, khí ga...
- *Phụ tùng thay thế:* là những loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất....
- *Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản:* là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản. Ngoài ra, tuỳ thuộc vào yêu cầu quản lý và hạch toán chi tiết trong từng doanh nghiệp mà trong từng loại nguyên vật liệu nói trên lại được chia thành từng nhóm, từng thứ...

Ý nghĩa: Cách phân loại này là cơ sở để xác định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại, từng nhóm, từng thứ, là cơ sở để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

* ***Căn cứ vào nguồn hình thành, nguyên vật liệu được chia thành:***

- *Nguyên vật liệu nhập từ bên ngoài*: Do doanh nghiệp mua, nhận góp vốn liên doanh, nhận biếu tặng, được cấp...
- *Nguyên vật liệu tự chế*: Do doanh nghiệp tự sản xuất phục vụ cho nhu cầu sản xuất của mình.

Ý nghĩa: Cách phân loại này làm căn cứ để lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất nguyên vật liệu, cơ sở xác định trị giá vốn của nguyên vật liệu nhập kho.

* ***Căn cứ vào mục đích, công dụng, nguyên vật liệu chia thành:***

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh bao gồm:

+ Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho chế tạo sản xuất sản phẩm

+ Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho các bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý phân xưởng

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:

+ Nhượng bán

+ Đem góp vốn liên doanh

+ Đem quyên tặng

Ngoài việc phân loại như trên, trong điều kiện ứng dụng tin học vào công tác kế toán như hiện nay thì để phục vụ cho công tác quản lý vật tư một cách tỉ mỉ chặt chẽ thì còn phải lập danh điểm vật tư.

Lập danh điểm vật tư là quy định cho mỗi loại vật tư một ký hiệu mã hoá riêng. Tuỳ vào từng phần mềm kế toán áp dụng cũng như tình hình của từng doanh nghiệp mà việc lập các danh điểm vật tư cho phù hợp với đặc điểm yêu cầu quản lý, đảm bảo cho quá trình hạch toán kế toán chi tiết và tổng hợp nguyên vật liệu đạt hiệu quả cao nhất.

1.2.2. Tính giá nguyên vật liệu

Đánh giá nguyên vật liệu là việc xác định trị giá của vật liệu ở những thời điểm nhất định và tuân theo những nguyên tắc quy định chung. Theo quy định hiện hành nguyên vật liệu là tài sản ngắn hạn thuộc nhóm hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến, và các loại chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Để đánh giá nguyên vật liệu thì có thể đánh giá theo giá vốn thực tế. Đánh giá theo giá vốn thực tế thì cả kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết đều sử dụng giá thực tế để ghi chép trển sổ kế toán. Tuy nhiên, trong trường hợp vật liệu có nhiều chủng loại, giá cả thường xuyên biến động, để giảm bớt việc ghi chép tính toán hàng ngày doanh nghiệp có thể sử dụng giá hạch toán để theo dõi chi tiết tình hình biến động

nguyên vật liệu, tuy nhiên đến cuối tháng phải điều chỉnh giá hạch toán theo giá thực tế ghi sổ tổng hợp.

1.2.2.1. Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho

Tuỳ vào nguồn nhập khác nhau của các loại nguyên vật liệu, trị giá vốn thực tế sẽ được xác định như sau:

* Đối với vật liệu do doanh nghiệp mua ngoài (mua trong nước hoặc nước ngoài):

Trị giá vốn thực tế của NVL nhập kho	=	Giá mua thực tế	+	Chi phí mua thực tế	+	Các loại thuế không được hoàn lại (TTĐB,NK...)	-	Các khoản giảm trừ

Trong đó:

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: Giá mua thực tế của vật liệu là giá chưa có thuế GTGT.

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT thì giá mua thực tế là giá đã có thuế GTGT.

* Đối với vật liệu do doanh nghiệp tự gia công, chế biến:

Giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho	=	Giá thực tế của vật liệu xuất kho để gia công chế biến	+	Chi phí gia công chế biến

* Đối với vật liệu do doanh nghiệp thuê ngoài gia công, chế biến:

Giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho	=	Giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho thuê gia công	+	Chi phí thuê gia công	+	Chi phí vận chuyển bốc dỡ khi giao nhận (nếu có)

* Đối với vật liệu do được cấp:

Giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho	=	Giá vốn ghi trong biên bản giao nhận	+	Chi phí phát sinh trong giao nhận

* Đối với vật liệu được biếu tặng, tài trợ:

Giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho	=	Giá trị hợp lý	+	Các chi phí khác phát sinh

1.2.2.2. Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho

Do thời điểm nhập vật liệu và xuất vật liệu là khác nhau về số lượng và giá cả, vì vậy việc tính trị giá vốn của nguyên vật liệu xuất kho được thực hiện theo một trong bốn phương pháp quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 "Hàng tồn kho":

* ***Phương pháp đích danh***:

- Theo phương pháp này thì khi xuất kho nguyên vật liệu căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó để tính ra trị giá vốn của nguyên vật liệu xuất kho. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng, các loại hàng có tính tách biệt cao.

* ***Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ:***

- Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá tính bình quân. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư hàng hoá khi nhập, xuất kho. Công thức tính:

$$\text{Giá thực tế của vật liệu xuất kho} = \text{Số lượng thực tế xuất kho} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân}$$

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

Trong đó: Đơn giá bình quân được xác định cho từng thứ vật tư

- Đơn giá bình quân có thể được xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ. Với cách tính này khối lượng công việc tính toán sẽ giảm bớt nhưng thông tin sẽ không được cung cấp kịp thời vì chỉ tính được trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho vào thời điểm cuối kỳ.
- Đơn giá bình quân có thể được xác định sau mỗi lần nhập được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn. Với cách tính này khối lượng công việc tính toán sẽ nhiều

nhưng sẽ đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, phương pháp này thích hợp với doanh nghiệp áp dụng kế toán máy.

* ***Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):***

- Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và đơn giá của hàng nhập trước sẽ được dùng làm đơn giá để tính cho hàng xuất trước. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.
- Với phương pháp này, việc tính toán đơn giản, dễ làm và tương đối hợp lý. Song khối lượng tính toán nhiều, phụ thuộc vào xu thế giá cả trên thị trường, phù hợp với doanh nghiệp ít danh điểm nguyên vật liệu.

* ***Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):***

- Theo phương pháp này thì cũng phải biết đơn giá thực tế của từng lần nhập và giả thiết hàng nào nhập sau sẽ được xuất trước, đơn giá của hàng nhập sau sẽ được dùng làm đơn giá để tính cho hàng xuất trước. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ sẽ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên.
- Với phương pháp này, công việc tính toán được tiến hành thường xuyên và đơn giản hơn so với phương pháp FIFO. Chi phí sản xuất luôn gắn chặt với giá cả thị trường nên lợi nhuận thu được mang tính an toàn hơn khi giá cả có xu hướng tăng lên. Song chất lượng tính giá lại phụ thuộc vào sự ổn định giá cả nguyên vật liệu. Nếu giá cả biến động mạnh sẽ mất chính xác và gây bất hợp lý, phương pháp này áp dụng thích hợp trong trường hợp lạm phát

Doanh nghiệp lựa chọn phương pháp tính giá nào thì phải đảm bảo tính nhất quán trong cả niên độ kế toán.

1.2.2.3. Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán

Hiện nay thực tế nhiều doanh nghiệp không áp dụng xác định trị giá vật liệu xuất kho theo cách trên mà áp dụng giá hạch toán để tính toán nhằm giảm bớt khối lượng công việc hàng ngày.

Giá hạch toán nguyên vật liệu là giá do doanh nghiệp tự quy định và được sử dụng thống nhất ở doanh nghiệp trong thời gian dài. Hàng ngày kế toán sẽ sử dụng

giá hạch toán để ghi sổ chi tiết giá trị nguyên vật liệu nhập xuất tồn, cuối kỳ kế toán phải tính hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của nguyên vật liệu để tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng trong kỳ để ghi sổ tổng hợp theo công thức:

$$\text{Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của NVL} = \frac{\text{Giá thực tế của NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế của NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Giá hạch toán của NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá hạch toán của NVL nhập kho trong kỳ}}$$

$$\text{Giá thực tế của NVL xuất dùng trong kỳ} = \text{Giá hạch toán của NVL xuất dùng trong kỳ} \times \text{Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của NVL}$$

Trên đây là các cách tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo giá vốn thực tế và theo giá hạch toán. Tuỳ theo tình hình thực tế của từng doanh nghiệp khác nhau về tính chất nghành nghề sản xuất, yêu cầu quản lý và sử dụng vật liệu, trình độ của cán bộ công nhân viên mà các cách đánh giá trên sẽ được áp dụng cho phù hợp.

1.3. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu

1.3.1. Yêu cầu hạch toán chi tiết nguyên vật liệu

Trong doanh nghiệp, chủng loại nguyên vật liệu là rất nhiều và thường xuyên biến động cả về số lượng và giá trị. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu chính là việc kết hợp giữa thủ kho và kế toán nguyên vật liệu trên cùng cơ sở là các chứng từ nhập xuất kho mục đích nhằm theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động của từng loại, thứ vật liệu, từng kho nguyên vật liệu và nguồn cung cấp. Đồng thời để giúp cho việc hạch toán có hiệu quả, chính xác thì các doanh nghiệp phải tổ chức mở các sổ chi tiết, các thẻ chi tiết, các tài khoản cấp 2 và 3 và vận dụng phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu sao cho phù hợp giúp cho công tác quản lý sử dụng nguyên vật liệu đạt hiệu quả cao nhất.

Nhằm đảm bảo cung cấp thông tin nhanh nhạy về tình hình nhập xuất nguyên vật liệu trên cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị theo từng thứ nguyên vật liệu, nơi bảo quản, nguồn cung cấp thì kế toán chi tiết đòi hỏi phải đảm bảo các yêu cầu:

- Hạch toán chi tiết ở từng kho và từng bộ phận sử dụng của doanh nghiệp.
- Hằng ngày phải theo dõi nguyên vật liệu trên cả 2 chỉ tiêu số lượng và thành tiền.
- Phải đảm bảo khớp nội dung số lượng tương ứng giữa thẻ kế toán chi tiết ở dưới kho với các số liệu chi tiết trên phòng kế toán, với số liệu các bảng tổng hợp, các báo cáo tổng hợp.

Trách nhiệm sử dụng nguyên vật liệu liên quan đến nhiều bộ phận, song trách nhiệm trực tiếp là thủ kho và kế toán nguyên vật liệu.

1.3.2. Các chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán nguyên vật liệu bao gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 03-VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 05-VT)
- Bảng kê mua hàng (Mẫu 06-VT)
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (Mẫu 07-VT)
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTGT-3LL)
- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTGT-3LL)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03PXK-3LL)

Tuỳ vào đặc điểm sản xuất của từng doanh nghiệp mà các doanh nghiệp lựa chọn hình thức chứng từ sao cho thuận tiện khoa học. Mọi chứng từ phải được lập đầy đủ, kịp thời theo quyết định ban hành về mẫu biểu nội dung, phải tổ chức luân chuyển theo trình tự, người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp

pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sau đây là một vài mẫu chứng từ, sổ sách kế toán nguyên vật liệu:

- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S10-DN)
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S11-DN)
- Thẻ kho (Sổ kho) (Mẫu S12-DN)

1.3.3. Các phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu

Việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được sử dụng một trong ba phương pháp sau:

*** *Phương pháp ghi thẻ song song***

Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song:

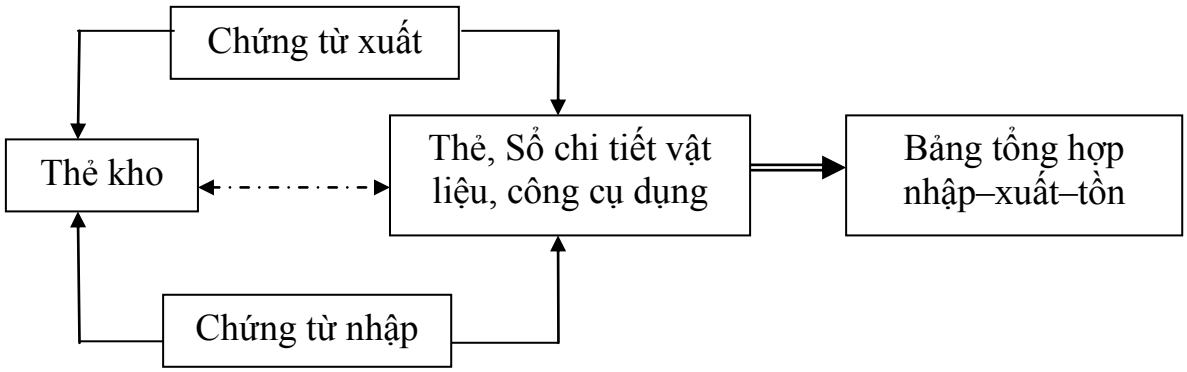

Theo phương pháp này hàng ngày thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu để ghi số lượng vào thẻ kho (mở theo từng đanh điểm, từng kho), đến cuối ngày tính ra số tồn của vật liệu, công cụ dụng cụ trên thẻ kho.

Ở phòng kế toán cũng dựa trên chứng từ nhập, xuất này để ghi số lượng và giá trị nguyên vật liệu nhập, xuất vào sổ chi tiết vật liệu (mở tương ứng với thẻ kho). Đến cuối tháng hoặc cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết để lập bảng nhập–xuất–tồn vật tư, đồng thời kế toán tiến hành đối chiếu số lượng trên sổ kế tóan chi tiết vật liệu với thẻ kho tương ứng do thủ kho chuyển đến .

Phương pháp này rất đơn giản trong khâu ghi chép, đối chiếu số liệu và phát hiện sai sót, đồng thời cung cấp thông tin nhập, xuất và tồn kho của từng danh điểm nguyên vật liệu kịp thời, chính xác.

**** Phương pháp sổ số dư***

Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư:

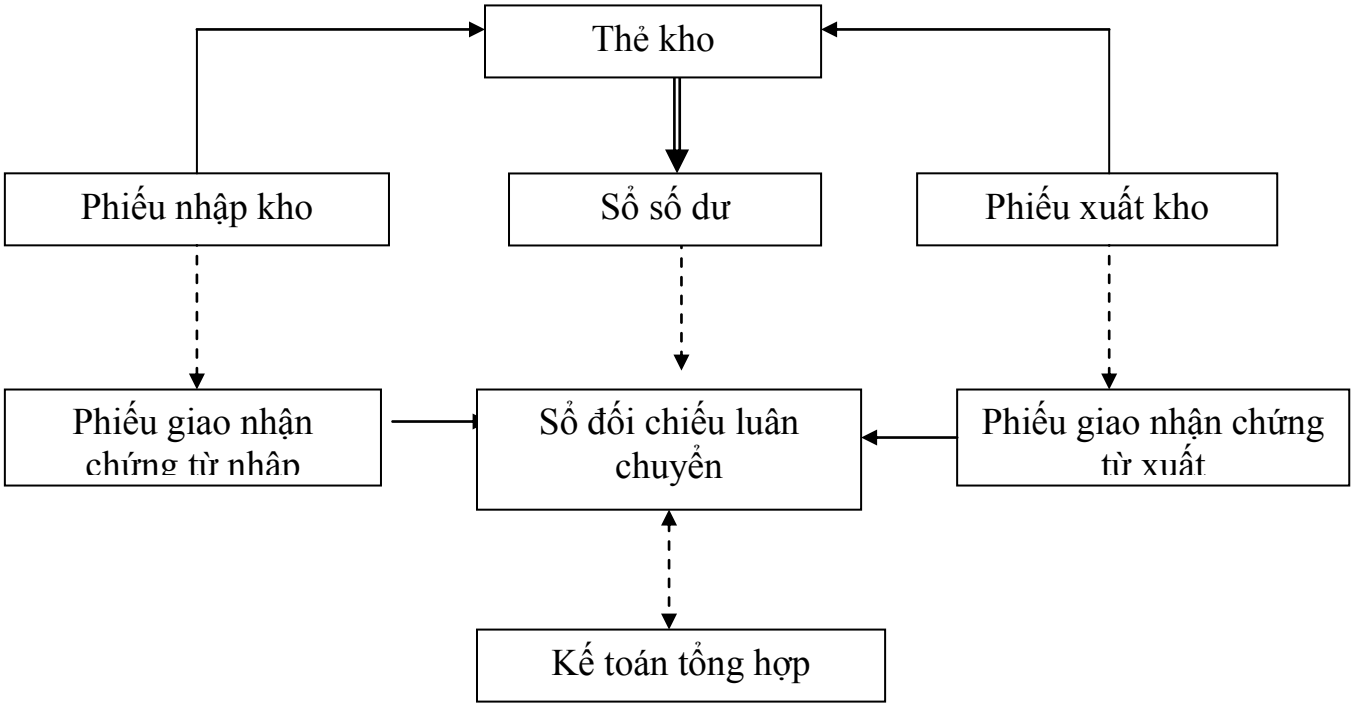

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi định kỳ

Ghi cuối tháng

Quan hệ đối chiếu

Theo phương pháp này thủ kho ngoài việc ghi thẻ kho như các phương pháp trên thì cuối kỳ còn phải ghi lượng nguyên vật liệu tồn kho từ thẻ kho vào sổ số dư. Kế toán dựa vào số lượng nhập, xuất của từng danh điểm nguyên vật liệu được tổng hợp từ các chứng từ nhập, xuất mà kế toán nhận được khi kiểm tra các kho theo định kỳ 3, 5 hoặc 10 ngày một lần (kèm theo phiếu giao nhận chứng từ) và giá hạch tóan để tính trị giá thành tiền nguyên vật liệu nhập, xuất theo từng danh điểm, từ đó ghi vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn (bảng này được mở theo từng kho). Cuối kỳ tiến hành tính tiền trên sổ số dư do thủ kho chuyển đến và đối chiếu tồn kho từng danh điểm nguyên vật liệu trên sổ số dư với tồn kho trên bảng

lũy kế nhập, xuất, tồn. Từ bảng lũy kế nhập, xuất, tồn nhân viên kế toán lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật liệu để đối chiếu với sổ tổng hợp về vật liệu .

Phương pháp này tránh được việc ghi chép trùng lặp và dàn đều công việc ghi sổ trong kỳ nên không bị dồn việc vào cuối kỳ, nhưng việc kiểm tra đối chiếu và phát hiện sai sót gặp nhiều khó khăn, vì vậy phương pháp này đòi hỏi nhân viên kế toán và thủ kho phải có trình độ chuyên môn cao.

Phương pháp này thường được áp dụng với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm nguyên vật liệu và đồng thời số lượng chứng từ nhập, xuất của mỗi loại khá nhiều thì phương pháp hạch tóan chi tiết nguyên vật liệu thích hợp nhất là phương pháp số dư.

**** Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển***

Sơ đồ hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển :

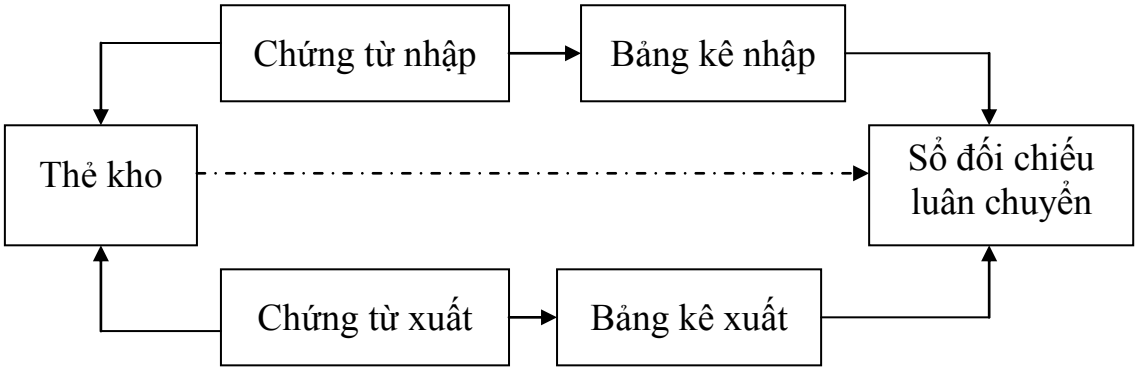

Theo phương pháp này kế toán chỉ mở sổ đối chiếu luân chuyển nguyên vật liệu theo từng kho, cuối kỳ trên cơ sở phân loại chứng từ nhập, xuất theo từng danh điểm nguyên vật liệu và theo từng kho, kế toán lập bảng kê nhập vật liệu, bảng kê xuất vật liệu và dựa vào các bảng kê này để ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển nguyên vật liệu. Khi nhận được thẻ kho, kế toán tiến hành đối chiếu tổng lượng nhập, lượng xuất của từng thẻ kho với sổ luân chuyển nguyên vật liệu, đồng thời từ sổ đối chiếu luân chuyển nguyên vật liệu lập bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn để đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp về vật liệu.

Như vậy phương pháp này giảm nhẹ khối lượng công việc ghi chép của kế toán, nhưng vì dồn công việc ghi sổ, kiểm tra đối chiếu vào cuối kỳ, nên trong trường hợp số lượng chứng từ nhập, xuất của từng danh điểm nguyên vật liệu khá nhiều thì công việc kiểm tra, đối chiếu sẽ gặp nhiều khó khăn và hơn nữa làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các khâu kế tóan khác.

Phương pháp này thường được áp dụng với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm nguyên vật liệu và số lượng chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu không nhiều.

1.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc ghi chép sự biến động về mặt giá trị của nguyên vật liệu trên các sổ sách kế toán tổng hợp. Trong hệ thống kế toán hiện hành nguyên vật liệu thuộc nhóm hàng tồn kho nên kế toán áp dụng tổng hợp nguyên vật liệu có thể tiến hành theo một trong hai phương pháp sau:

- Phương pháp kế toán kê khai thường xuyên
- Phương pháp kiểm kê định kỳ

Việc sử dụng phương pháp nào là tuỳ thuộc vào doanh nghiệp và yêu cầu của công việc quản lý, trình độ của cán bộ kế toán cũng như các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

1.4.1. Yêu cầu hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu

* Kế toán nhập, xuất kho nguyên liệu, vật liệu trên tài khoản 152 phải thực hiện theo nguyên tắc giá gốc quy định trong chuẩn mực số 02 "Hàng tồn kho". Nội dung giá gốc của nguyên liệu, vật liệu được xác định tuỳ theo từng nguồn nhập.

- Giá gốc của nguyên liệu, vật liệu mua ngoài bao gồm: Giá mua ghi trên hoá đơn, thuế nhập khẩu phải nộp, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu phải nộp (nếu có), chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm,... nguyên liệu, vật liệu từ nơi mua về đến nhập kho của doanh nghiệp, công tác phí của cán bộ thu mua, chi phí của bộ phận thu mua độc lập, các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc thu mua nguyên vật liệu, và số hao hụt định mức (nếu có).

Trường hợp doanh nghiệp mua nguyên liệu, vật liệu dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì giá

trị nguyên vật liệu mua vào được phản ánh theo giá mua chưa có thuế GTGT. Thuế GTGT đầu vào khi mua nguyên liệu, vật liệu và thuế GTGT của dịch vụ vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, chi phí gia công... được khấu trừ và hạch toán vào tài khoản 133 "Thuế GTGT được khấu trừ" (1331).

Trường hợp doanh nghiệp mua nguyên liệu, vật liệu dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc dùng cho hoạt động sự nghiệp, phúc lợi, dự án thì giá trị của nguyên liệu, vật liệu mua vào được phản ánh theo tổng giá thanh toán bao gồm cả thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ (nếu có).

Đối với nguyên liệu, vật liệu mua bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ để ghi tăng giá trị nguyên liệu, vật liệu nhập kho.

- Giá gốc của nguyên liệu, vật liệu tự chế biến, bao gồm: Giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất chế biến và chi phí chế biến.

- Giá gốc của nguyên liệu, vật liệu thuê ngoài gia công chế biến, bao gồm: Giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất thuê ngoài gia công chế biến, chi phí vận chuyển vật liệu đến nơi chế biến và từ nơi chế biến về đơn vị, tiền thuê ngoài gia công chế biến.

- Giá gốc của nguyên liệu, vật liệu nhận góp vốn liên doanh, cổ phần: Là giá trị được các bên tham gia góp vốn liên doanh thống nhất đánh giá chấp nhận.

* Việc tính giá của nguyên liệu, vật liệu tồn kho, được thực hiện theo một trong bốn phương pháp quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 "Hàng tồn kho".

- Phương pháp giá đích danh;

- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ;

- Phương pháp nhập trước, xuất trước;

- Phương pháp nhập sau, xuất trước.

Doanh nghiệp lựa chọn phương pháp tính giá nào thì phải đảm bảo tính nhất quán trong cả niên độ kế toán.

* Kế toán chi tiết nguyên liệu, vật liệu phải thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm, từng thứ nguyên liệu, vật liệu.

* Trường hợp doanh nghiệp sử dụng giá hạch toán trong kế toán chi tiết nhập, xuất nguyên vật liệu thì cuối kỳ kế toán phải tính hệ số chênh lệch giữa giá trị thực tế và giá hạch toán của nguyên liệu, vật liệu để tính giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất dùng trong kỳ theo công thức:

$$\text{Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của NVL} = \frac{\text{Giá thực tế của NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế của NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Giá hạch toán của NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá hạch toán của NVL nhập kho trong kỳ}}$$

$$\text{Giá thực tế của NVL xuất dùng trong kỳ} = \text{Giá hạch toán của NVL xuất dùng trong kỳ} \times \text{Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của NVL}$$

1.4.2. Tài khoản sử dụng

* ***Tài khoản 152 "Nguyên liệu, vật liệu":*** Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp. Kết cấu của tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến hoặc đưa đi góp vốn.

- Trị giá thực tế của nguyên vật liêu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.
- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Số dư bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ

Ngoài ra, tài khoản này có thể mở theo dõi chi tiết các tài khoản cấp 2 theo từng loại nguyên vật liệu phù hợp với cách phân loại theo nội dung kinh tế và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp gồm:

TK 1521: Nguyên liệu, vật liệu chính

TK 1522: Vật liệu phụ

TK 1523: Nhiên liệu

TK 1524: Phụ tùng thay thế

TK 1525: Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản.

Trong từng tài khoản cấp 2 có thể mở chi tiết tài khoản cấp 3, cấp 4 tới từng nhóm, từng thứ nguyên liệu, vật liệu tuỳ theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

**** TK 151 "Hàng mua đang đi đường":*** Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại hàng hoá vật tư (nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá) mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng còn đang chờ kiểm nhận nhập kho. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 151 như sau:

Bên Nợ:

- Trị giá hàng vật tư đã mua đang đi đường
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

- Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng;
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng vật tư mua đang đi đường đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ:

- Trị giá hàng hoá vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho đơn vị).

1.4.3. Các phương pháp hạch toán

1.4.3.1. Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Phương pháp này được sử dụng phổ biến ở nước ta vì những tiện ích của nó như: độ chính xác cao, cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời cập nhật.

Theo phương pháp này, kế toán có thể theo dõi số lượng nhập xuất tồn kho của từng loại nguyên vật liệu và trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho trên tài khoản sổ kế toán được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kế toán.

* ***<u>Các tài khoản kế toán sử dụng:</u>***

- TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu
- TK 151 - Hàng mua đang đi đường
- TK 331 - Phải trả người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.
- TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ của các ngành công nghiệp, xây lắp, nông lâm ngư nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, kinh doanh khách sạn, du lịch, dịch vụ khác.

- TK 627 - Chi phí sản xuất chung. Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh chung phát sinh ở phân xưởng, bộ phận, đội, công trường ... phục vụ sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ.
- TK 641 - Chi phí bán hàng
- TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
- TK 142 - Chi phí trả trước ngắn hạn

Đối với các nghiệp vụ kế toán hạch toán tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng giống như phương pháp khấu trừ, nhưng chỉ khác ở chỗ giá mua vào của nguyên liệu, vật liệu nhập kho bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá phải trả cho nhà cung cấp).

Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

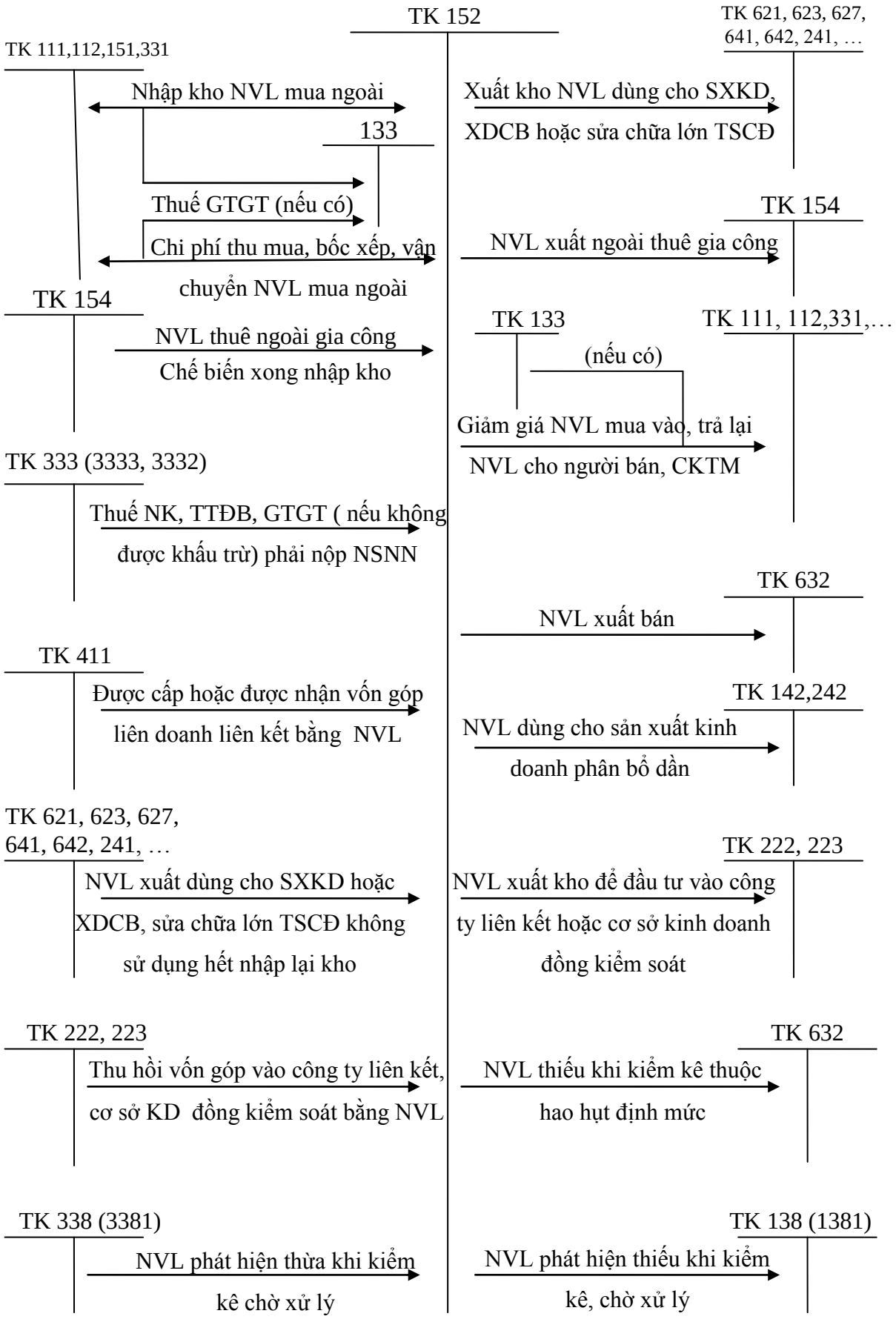

1.4.3.2. Kế toán nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho của nguyên vật liệu trên các tài khoản hàng tồn kho. Các tài khoản này chỉ phản ánh trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ hoặc cuối kỳ.

Trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên "Tài khoản mua hàng".

Việc xác định trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ để tính theo công thức sau:

Trị giá thực tế của NVL xuất kho trong kỳ	=	Trị giá thực tế của NVL tồn kho đầu kỳ	+	Trị giá thực tế của NVL nhập trong kỳ	-	Trị giá thực tế của NVL tồn kho cuối kỳ

Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá với quy cách mẫu mã khác nhau, giá trị thấp và được xuất thường xuyên.

Phương pháp kiểm kê định kỳ có ưu điểm là giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán nhưng độ chính xác về vật tư, hàng hoá xuất dùng cho các mục đích khác nhau phụ thuộc vào công tác quản lý tại kho, quầy, bến bãi.

**** Tài khoản kế toán sử dụng:***

- TK 152 "Nguyên liệu, vật liệu": Tài khoản này không phản ánh tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu trong kỳ mà chỉ dùng để kết chuyển trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ và đầu kỳ (Kết cấu và nội dung phản ánh đã nêu ở trên)
- TK 151 "Hàng mua đang đi đường" (Kết cấu và nội dung phản ánh đã nêu ở trên)
- TK 611 "Mua hàng": Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ. Kết cấu của tài khoản:

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá gốc nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê)

- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu mua vào trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá gốc nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê)
- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu xuất sử dụng trong kỳ.
- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu mua vào trả lại người bán hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra, cũng giống như phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp kiểm kê định kỳ cũng sử dụng thêm một số tài khoản như: TK 111, TK 112, TK 128, TK 621, TK 641, TK642....

*** *Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ:***

- Đầu kỳ, kết chuyển trị giá nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Cuối kỳ, căn cứ vào kết quả kiểm kê xác định giá trị nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 611 - Mua hàng.

Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

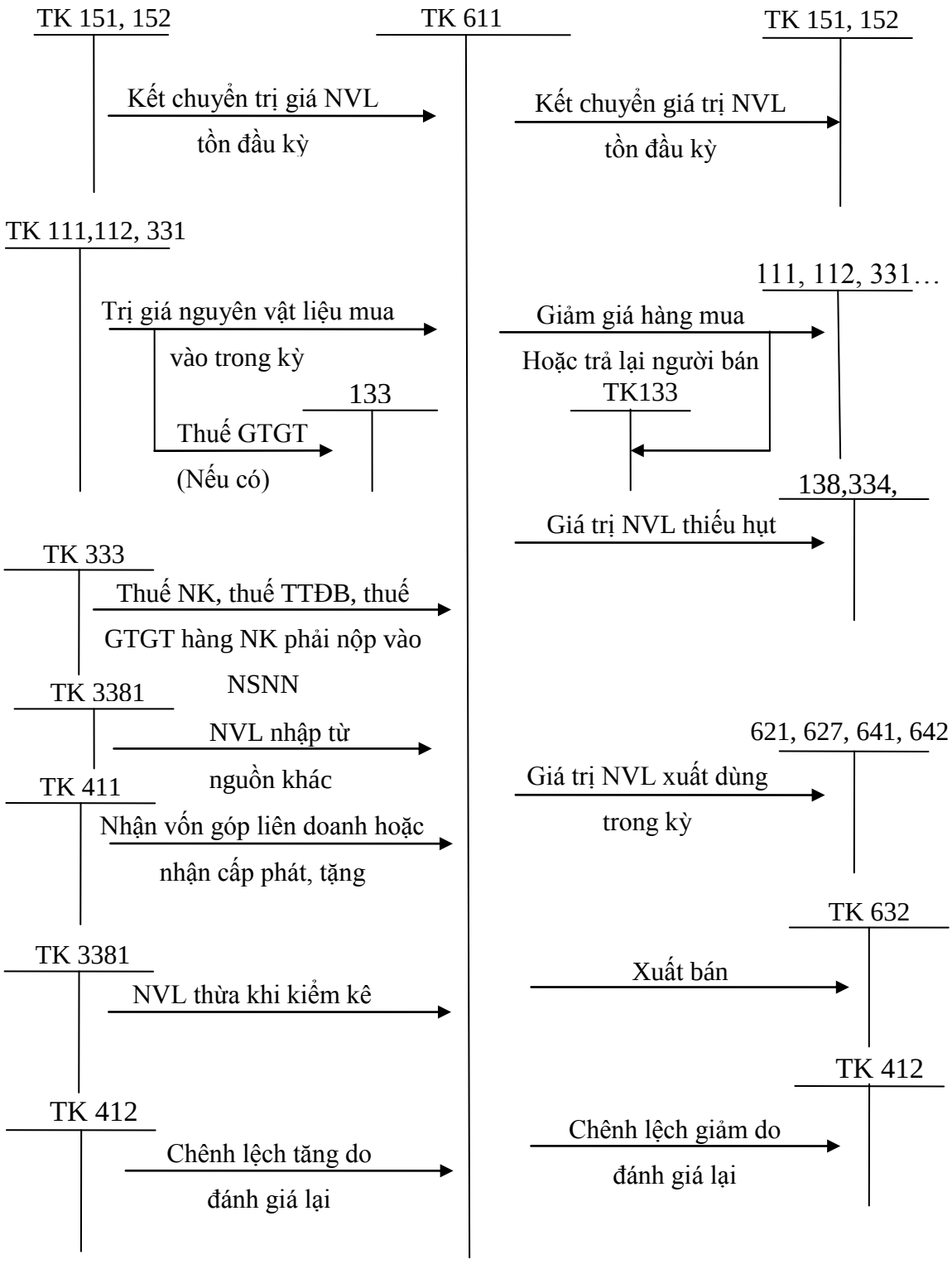

1.5. Tổ chức hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán

* ***Hệ thống sổ kế toán:***

Mỗi doanh nghiệp chỉ có một hệ thống sổ kế toán cho một kỳ kế toán năm. Sổ kế toán gồm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ cái, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ nhật ký…
- Sổ kế toán chi tiết gồm: Sổ, thẻ kế toán chi tiết …

Nhà nước quy định bắt buộc về mẫu sổ, nội dung và phương pháp ghi chép đối với các loại Sổ Cái, Sổ Nhật ký,… quy định mang tính hướng dẫn đối với các loại sổ, thẻ kế toán chi tiết.

* ***Hình thức kế toán:***

Hình thức sổ kế toán là hệ thống tổ chức sổ kế toán bao gồm số lượng sổ, kết cấu mẫu sổ, quan hệ giữa các loại sổ để ghi chép tổng hợp, hệ thống hoá số liệu từ chứng từ theo một trình tự và phương pháp ghi sổ nhất định, nhằm cung cấp các tài liệu có liên quan đến các chỉ tiêu kinh tế tài chính nhằm phục vụ cho việc thiết lập các báo cáo kế toán.

Doanh nghiệp áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

CHƯƠNG 2: THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NẶNG VÀ XÂY DỰNG HÀN -VIỆT (HANVICO)

2.1. Khái quát chung về Công ty Hanvico.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Hanvico.

Công ty Hanvico là một công ty liên doanh thành lập tại Việt Nam giữa bên Việt Nam là Công ty Cơ khí Duyên Hải và các bên nước ngoài là Công ty Công nghiệp nặng và Xây dựng Doosan và Công ty Sangyong theo giấy phép đầu tư số 1404/GP ngày 23/10/1995 của Ủy ban Nhà nước về hợp tác đầu tư, Công ty bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 6/1997.

Tổng vốn đầu tư cho Công ty là 25,7 triệu USD, trong đó phía các Công ty ở Hàn Quốc góp 70% bằng thiết bị, máy móc, giá trị công nghệ chuyển giao và ngoại tệ, Công ty Cơ khí Duyên Hải góp 30% bằng giá trị quyền sử dụng 70 nghìn m2 đất tại phường Sở Dầu, Hải Phòng.

* Tên giao dịch quốc tế của Công ty Hanvico:

Tiếng Việt Nam: Công ty Công nghiệp nặng và Xây dựng Hàn Việt.

Tiếng Anh: Han-Viet Heavy Industry and Contruction Corporation.

Tên viết tắt: Hanvico

* Trụ sở chính của Công ty Hanvico:

Địa chỉ: Km 92 Quốc lộ 5, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng.

Điện thoại: 84.0313.712705-06

2.1.2. Lĩnh vực sản xuất của Công ty Hanvio.

Công ty chuyên sản xuất các sản phẩm phi tiêu chuẩn bằng thép như: Bình áp lực, các thiết bị trao đổi nhiệt, kết cấu thép, bình chứa, các công việc về ống dẫn và các thiết bị phục vụ cho nhà máy xi măng, nhà máy nhiệt điện, các dự án hóa chất, lọc dầu, và các nhà máy công nghiệp khác.

Sản phẩm của Công ty chủ yếu là sản xuất theo đơn đặt hàng và để xuất khẩu, chúng đều mang tính chất siêu trường, siêu trọng và được sản xuất riêng biệt cho từng công trình công nghiệp nhất định, chứ không phải sản xuất hàng loạt sau đó mới bày bán.

2.1.3. Quy trình công nghệ sản xuất tại Công ty Hanvico.

Vì Công ty Hanvico là công ty liên doanh nên được chuyển giao công nghệ, máy móc, cũng như mọi thông tin, tài liệu, bí quyết công nghệ và trợ giúp kỹ thuật từ các Công ty phía Hàn Quốc để có thể vận hành nhà máy thép.

Do Công ty sản xuất theo đơn đặt hàng, nên tùy theo yêu cầu cụ thể của từng sản phẩm, từng dự án cũng như yêu cầu của khách hàng mà Công ty xây dựng quy trình công nghệ riêng cho từng sản phẩm cụ thể.

Các bước cơ bản của quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm tại Công ty Havico như sau :

1. Bản vẽ chế tạo
2. Sơ đồ cắt
3. Lấy dấu
4. Kiểm tra sau khi lấy dấu
5. Cắt
6. Uốn lốc
7. Kiểm tra sau khi uốn lốc
8. Gá lắp
9. Hàn
10. Kiểm tra sau khi hàn
11. Nắn chỉnh biến dạng
12. Xử lý nhiệt đường hàn
13. Gia công cơ khí
14. Lắp thử
15. Kiểm tra lần cuối
16. Làm sạch và sơn
17. Đóng gói

Các sản phẩm xuất xưởng đến tay khách hàng phải hoàn toàn được kiểm tra đầy đủ căn cứ trên hồ sơ đảm bảo chất lượng được gửi kèm theo.

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Hanvico.

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty liên doanh với Tổng giám đốc được chỉ định từ Bên nước ngoài, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng được chỉ định từ Bên Việt Nam.

Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, trong đó có ba cấp quản lý: Cấp quản lý cao nhất là cấp Công ty, cấp thứ hai là phòng ban và cấp thứ ba là cấp phân xưởng, bên cạnh đó Công ty còn có các phòng chức năng được điều hành bởi Quản Trị trưởng là chuyên gia Hàn Quốc.

Sơ đồ 2.1

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

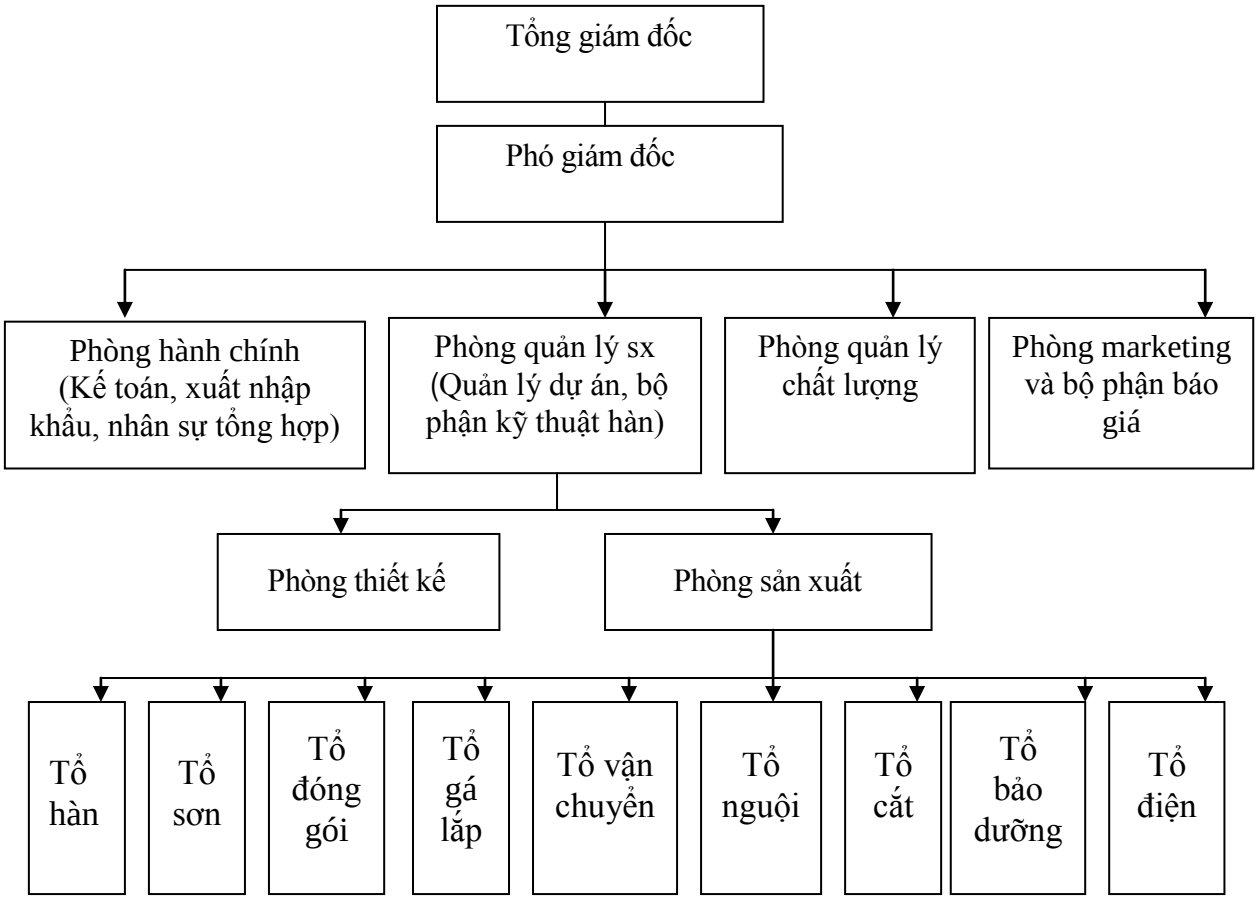

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong Công ty được quy định như sau:

* **Tổng giám đốc**: Là người có quyền cao nhất, cấp quyết định cao nhất mọi hoạt động của Công ty về tài chính, nhân sự, xét duyệt kế hoạch sản xuất, chất lượng, marketing …, và là đại diện cao nhất cho Công ty trong việc ký kết hợp đồng với các đối tác và trong các mối quan hệ với các cơ quan chức năng.

* **Phó Tổng giám đốc**: Là người phụ trách kỹ thuật thay mặt tổng giám đốc điều hành Công ty (khi tổng giám đốc đi vắng), tổ chức điều hành công tác kỹ thuật và sản xuất của Công ty, chịu trách nhiệm chính trong các mối quan hệ với các cơ quan chức năng của Việt Nam và các khách hàng tại Việt Nam.

* **Phòng hành chính**: Phòng hành chính được chia làm ba bộ phận sau:

- **Bộ phận kế toán tài vụ**:

+ Chịu trách nhiệm về công việc kế toán, hóa đơn chứng từ, tiền lương …
+ Hàng năm phải giải trình công tác kế toán với công ty kiểm toán Việt Nam và công ty kiểm toán của Công ty mẹ Doosan.

- **Bộ phận vật tư - xuất nhập khẩu**:

+ Chịu trách nhiệm cung cấp vật tư theo đúng mẫu mã kỹ thuật, chủng loại và tiến độ phục vụ cho kế hoạch sản xuất.
+ Có trách nhiệm trong việc vận tải xuất khẩu hàng hóa.

- **Bộ phận nhân sự tổng hợp**:

+ Tham mưu cho Giám đốc về tổ chức bộ máy quản lý Công ty

+ Đề xuất đào tạo cán bộ trước mắt và lâu dài

+ Thay mặt Giám đốc tiếp khách trước khi làm việc với Giám đốc …

* **Phòng quản lý sản xuất**:

- Tổ chức điều hành công tác kỹ thuật và sản xuất của Công ty.

- Tổ chức nghiên cứu hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật, áp dụng các thành tựu kỹ thuật tiên tiến khác.

- Quản lý mạng lưới điện và phân phối mạng điện cho toàn Công ty.

- Tư vấn về đầu tư thiết bị mới, công nghệ mới, nguyên vật liệu…

- Quan hệ với các hãng nước ngoài để lựa chọn đầu tư thiết bị, công nghệ, nguyên liệu mới giữ cho sản xuất của Công ty ổn định và có hiệu quả cao hơn.

* **Phòng quản lý chất lượng**:

- Xây dựng chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng Công ty.

- Tổ chức và thường xuyên xem xét hoạt động của hệ thống chất lượng của Công ty, áp ụng và duy trì theo ISO 9001:2000 và theo tiêu chuẩn ASME của Hoa Kỳ.

- Cung cấp đầy đủ nguồn lực để duy trị hoạt động chất lượng của Công ty.

- Định kỳ tổ chuác các cuộc họp kiểm tra xem xét các hệ thống chất lượng của Công ty.

* **Phòng kinh doanh**:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, ngắn hạn báo cáo cơ quan quản lý cấp trên.

- Đánh giá và chấp nhận các nhà thầu phụ và duy trì hồ sơ.

- Lập các hồ sơ dự thầu, tham gia đấu thầu hợp đồng mới.

* **Phòng nghiên cứu thiết kế**:

- Cung cấp các thông số kỹ thuật, vật tư cho bộ phận vật tư để chuẩn bị đầu vào cho kế hoạch sản xuất đúng tiến độ.

- Tổ chức thiết kế, thi công và triển khai sản xuất các kết cấu mới.

- Kiểm tra các thông số kỹ thuật của sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng hoặc theo yêu cầu của đơn vị khác như: Phân xưởng, sản xuất, phòng kỹ thuật sản xuất…

*** Bộ phận sản xuất:**

- Xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm, quý, tháng cho các phân xưởng.

- Quản lý trực tiếp tiến trình sản xuất tại các phân xưởng.

*** Các phân xưởng:**

- Tổ chức điều hành sản xuất tại đơn vị mình theo các quy trình hướng dẫn về kỹ thuật của hệ thống chất lượng Công ty đã ban hành.

- Kiểm soát sản xuất và chất lượng sản phẩm của đơn vị mình sản xuất theo tiêu chuẩn và định mức Công ty ban hành.

- Theo dõi giám sát và duy trì việc thực hiện các nội quy an toàn lao động, môi trường, an toàn thiết bị đã được Công ty quy định

2.1.5. Tổ chức công tác kế tóan tại Công ty Hanvico.

Công ty tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung, không có kế toán riêng ở các bộ phận phân xưởng mà chỉ có thống kê phân xưởng làm nhiệm vụ hướng dẫn, thực hiện hạch toán ban đầu, thu nhập, kiểm tra chứng từ và lập kế hoạch định kỳ gửi về phòng kế toán.

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Hanvico.

Phòng kế tóan của Công ty Hanvico bao gồm 05 người đảm nhiệm các phần hành khác nhau, thực hiện hạch tóan kế toán hoạt động kinh tế tài chính phát sinh ở bộ phận các phân xưởng, khối văn phòng cùng với việc tổng hợp số liệu chung toàn nhà máy, lập các báo cáo kế toán định kỳ, quản lý toàn bộ công tác kế toán của Công ty.

Cơ cấu bộ máy kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ: 2.2

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TÓAN

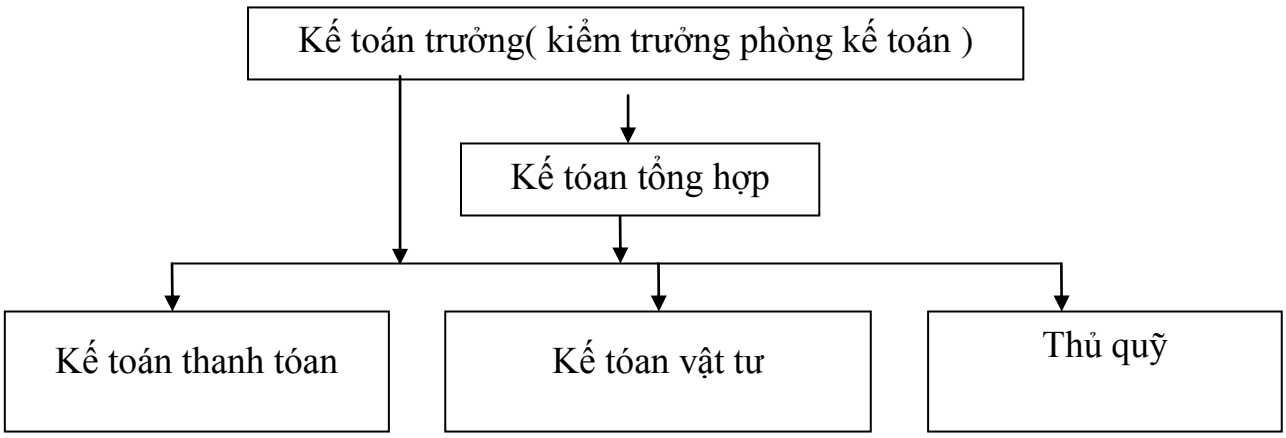

* Chức năng, nhiệm vụ của các cán bộ kế tóan:

- **Kế tóan trưởng**: Chỉ đạo các bộ phận kế tóan về nghiệp vụ và ghi chép các chứng từ ban đầu đến việc sử dụng sổ sách kế toán, thay mặt Giám đốc tổ chức công tác kế toán của nhà máy, cung cấp thông tin kế toán tài chính cho Giám đốc và chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin đó.

- **Kế toán tổng hợp**: Tổng hợp xác định chi phí sản xuất kinh doanh toàn Công ty và lập Báo cáo quyết tóan tài chính theo quy định của Nhà nước. Theo dõi biến động của tài sản cố định; theo dõi và đối chiếu khoản thanh toán với công nhân viên; theo dõi tổng hợp thanh toán lương và các khỏan trích theo lương của từng đối tượng; phân bổ khấu hao cho các đối tượng sử dụng.

- **Kế toán vật tư**: Theo dõi phản ánh tình hình xuất nhập tồn kho nguyên vật liệu , công cụ dụng cụ. Tham gia kiểm kê định kỳ và đột xuất, cung câp số liệu cho phòng điều độ sản xuất. Hướng dẫn thủ kho ghi chép thẻ kho và quy định phương pháp đối chiếu luân chuyển chứng từ giữa kho và kế tóan.

- **Kế toán thanh tóan**: Phản ánh, ghi chép chính xác, đầy đủ số liệu tình hình tăng giảm quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khỏan vay ngắn hạn, dài hạn và vay các đối tượng khác. Kiểm tra những chứng từ thu chi, vay mượn hợp lý hợp lệ đúng theo quy định của Nhà nước và pháp luật. Phản ánh ghi chép chính xác, đầy đủ số liệu, tình hình tăng giảm quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khỏan vay ngắn hạn, dài hạn và vay các đối tượng khác, phụ trách việc mở L/C nhập khẩu.

- **Thủ quỹ**: Chịu trách nhiệm theo dõi quản lý toàn bộ lượng tiền mặt của Công ty tại két sắt,theo dõi đối chiếu công nợ phải thu khách hàng, phải trả người cung cấp.

2.1.5.2. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty Hanvico.

Công ty áp dụng hình thức kế toán "Chứng từ ghi sổ", trình tự ghi sổ tuân theo các bước thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ: 2.3

TRÌNH TỰ LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ KẾ TÓAN

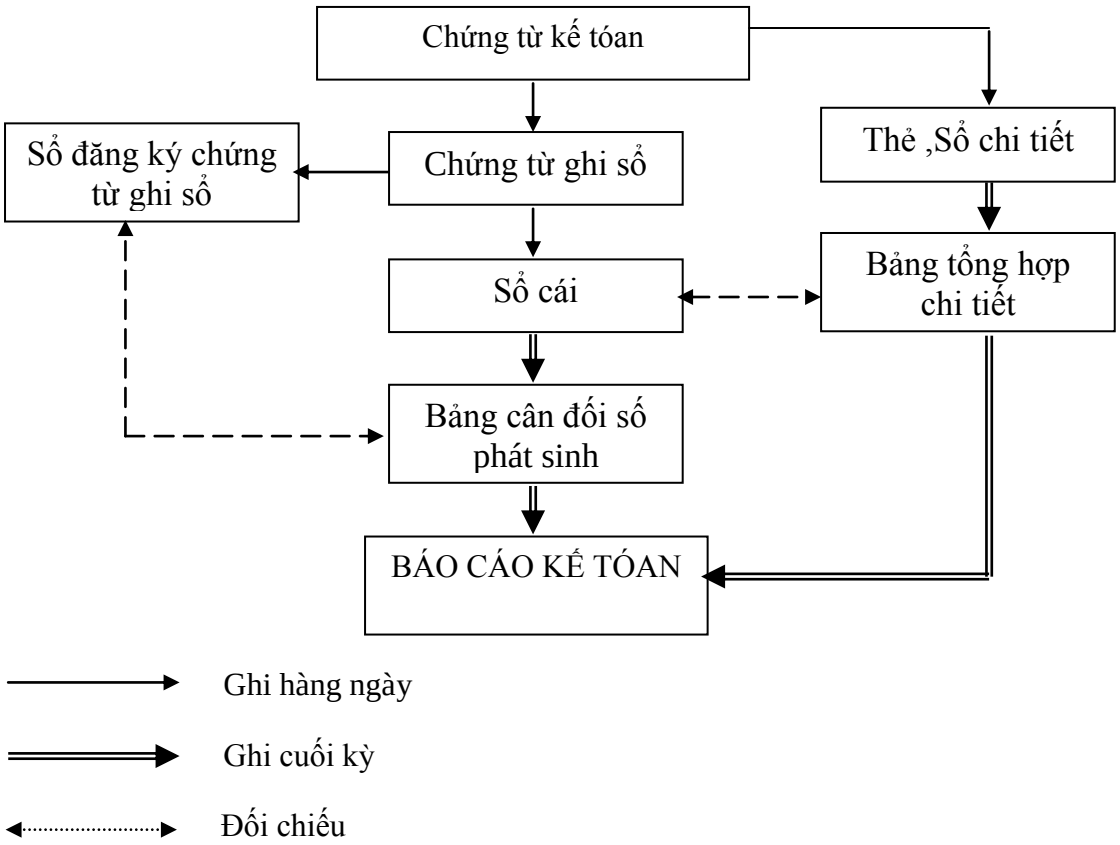

2.1.5.3. Hệ thống tài khỏan sử dụng tại Công ty Hanvico.

Công ty Hanvico hạch tóan hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, vì vậy Công ty có thể nắm bắt được một cách thường xuyên, liên tục, và có hệ thống tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu trên sổ kế tóan.

Danh mục tài khỏan Công ty sử dụng theo hệ thống danh mục tài khoản của Bộ tài chính, ngoài ra Công ty cũng sử dụng thêm tài khỏan cấp 2 và cấp 3 để phục vụ cho việc quản lý tốt hơn, cụ thể như sau:

- Tài khoản 152 "Nguyên vật liệu": Tài khỏan này mở để theo dõi chi tiết cho từng nhóm nguyên vật liệu trong Công ty. Cụ thể:

+ Tài khỏan 152T "Nguyên vật liệu chính"

+ Tài khỏan 152VLP "Nguyên vật liệu phụ"

+Tài khỏan 152S " Nguyên vật liệu sơn"

+ Tài khoản 152QH " Nguyên vật liệu hàn"

+ Tài khoản 152CĐ " Nguyên vật liệu điện"

- Tài khoản 621 "Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp": Tài khoản này được theo dõi chi tiết cho từng dự án, mỗi dự án sẽ được theo dõi trên một tài khoản riêng. Ví dụ: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của dự án Shuweihat có ký hiệu A313 thì được theo dõi trên tài khoản 621A313.

- Tài khoản 627 " Chi phí sản xuất chung": Tài khoản này được mở chi tiết cho từng loại chi phí, trong đó Tài khoản 62774 được mở để theo dõi cho các loại chi phí liên quan đến thu mua nguyên vật liệu, như: Thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu, chi phí vận chuyển, bốc dỡ, cước biển, chi phí bảo hiểm hàng,…

- Tài khoản 331"Phải trả người bán"

- Tài khoản 111, 112, 141, và một số tài khoản khác.

2.1.5.4. Hệ thống sổ kế toán Công ty sử dụng.

Công tác kế tóan ở Công ty còn mang tính chất thủ công, việc sử dụng tin học chỉ là ứng dụng chương trình Excel hỗ trợ việc tính toán và lập bảng biểu. Một số sổ kế tóan Công ty sử dụng gồm có:

- Sổ chi tiết nhập vật tư
- Sổ chi tiết xuất vật tư
- Sổ chi tiết tồn vật tư
- Báo cáo tổng hợp nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu
- Báo cáo tồn vật tư của các dự án đang thực hiện
- Báo cáo tồn vật tư của các dự án đã kết thúc
- Báo cáo sử dụng vật tư
- Danh sách chi tiết nguyên vật liệu nhập khẩu

- Sổ chi tiết phải trả người bán
- Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán
- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ cái các tài khỏan
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Do đã đăng ký với Bộ tài chính và Cục thuế nên Công ty Hanvico sử dụng đơn vị tiền tệ đôla Mỹ (USD) để ghi sổ kế tóan và lập các Báo cáo tài chính. Các nghiệp vụ phát sinh bằng đơn vị tiền tệ khác được chuyển sang đôla Mỹ theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ những nghiệp vụ này được phản ánh vào thu nhập, chi phí hoạt tộng tài chính. Tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản lãi chênh lệch do đánh giá lại tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán không được coi là khoản thu nhập để phân phối cho các chủ sở hữu góp vốn.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico.

2.2.1. Đặc điểm tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico.

2.2.1.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu tại Công ty.

Các mặt hàng của Công ty chủ yếu là các sản phẩm phi tiêu chuẩn bằng thép, do vậy vật tư chính là các loại thép, bao gồm: thép hình, thép tấm, thép cuộn, thép góc, thép tròn, thép dạng thanh mạ sơn không gỉ...; ngoài ra còn có các loại vật liệu điện, vật liệu hàn, nguyên vật liệu sơn, và các loại vật liệu khác.

Các chủng loại vật liệu rất đa dạng, nhiều loại hình, nhiều kích cỡ, mẫu mã và chủ yếu là được nhập khẩu từ nước ngoài, phần còn lại là mua ở trong nước hoặc do nhà đặt hàng cung cấp để sử dụng cho chính dự án mà họ thuê Hanvico chế tạo, tuy nhiên phần này chiếm tỷ lệ rất ít và không đáng kể.

Nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm tại Công ty Hanvico được chia thành 04 nhóm cơ bản, gồm có:

- Nguyên liệu chính: gồm các loại thép hình, thép tấm, thép cuộn, ...

- Nguyên vật liệu phụ: gồm các loại bulông, đai ốc, mặt bích, cao su , ...

- Vật liệu hàn : gồm các loại dây hàn, que hàn, thuốc hàn, …

- Nguyên vật liệu sơn: gồm các loại sơn chống gỉ, sơn phủ, ...

- Vật liệu điện.

2.2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico.

Để xác định trị giá nguyên vật liệu xuất kho, toán Công ty áp dụng phương pháp giá thực tế đích danh.

Giá của nguyên vật liệu nhập kho là giá trên hóa đơn của đơn vị bán hàng mà chưa bao gồm các loại chi phí liên quan đến việc thu mua, nhập kho nguyên vật liệu. Tất cả các chi phí liên quan này như: thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu, chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí cước biển, chi phí bảo hiểm...đều do phòng mua bán-xuất nhập khẩu của Công ty theo dõi, quản lý, và thanh toán. Sau khi thanh tóan những chi phí này, cán bộ phòng mua bán-xuất nhập khẩu sẽ chuyển hóa đơn và các chứng từ liên quan cho phòng kế toán, khi đó phòng kế tóan kết chuyển tất cả những chi phí này vào chi phí sản xuất chung, sau đó phân bổ vào chi phí các dự án theo tiêu thức số giờ công.

Cụ thể kế tóan định khoản vào chứng từ ghi sổ như sau:

- Đối với thuế nhập khẩu và thuế VAT hàng nhập khẩu đã nộp vào ngân sách Nhà nước, kế toán ghi: Nợ TK 3333, 3331.2: thuế NK, thuế VAT hàng NK

Có TK 111, 112, 141:

- Sau dó kết chuyển số thuế nhập khẩu vào chi phí, kế toán ghi:

Nợ TK 6277.4: Chi phí vận chuyển

Có Tk 3333: thuế nhập khẩu

- Số thuế VAT hàng nhập khẩu đã nộp được kết chuyển vào thuế giá trị gia tăng dầu vào được khấu trừ, kế tóan ghi:

Nợ Tk 133: thuế VAT đầu vào được khấu trừ

Có TK 3331.2: Thuế VAT hàng nhập khẩu

- Đối với các khỏan chi phí vận chuyển nguyên vật liệu đã được thanh toán, kế toán ghi: Nợ TK 6277.4: Chi phí vận chuyển

Có TK 111, 112, 141:

2.2.2.3. Đặc điểm quy trình quản lý nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico.

2.1.5. Quy trình quản lý nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico.

Do tính chất khá đặc thù và khá đa dạng của các loại sản phẩm, yêu cầu kỹ thuật cao nên hầu hết vật liệu của Công ty đều nhập từ nước ngoài về. Mặt khác, các chủng loại vật liệu rất đa dạng, nhiều loại hình, nhiều kích cỡ nên Công ty rất chú trọng trong công tác quản lý và bảo quản vật liệu. Quy trình quản lý nguyên vật liệu của Công ty được chia ra làm 05 giai đoạn, mỗi giai đoạn có sự tham gia của nhiều bộ phận, vì vậy vật tư được quản lý tương đối chặt chẽ. Cụ thể như sau:

- Giai đoạn 1: Lập yêu cầu mua sắm vật tư.

Căn cứ vào từng bản vẽ của từng dự án Công ty nhận được, và Báo cáo vật tư còn tồn kho của những dự án đã kết thúc, phòng thiết kế sẽ tính ra chủng loại, số lượng vật tư chủ yếu cần dùng, sau đó lập phiếu yêu cầu mua sắm vật tư (MPR). phiếu này được chuyển cho phòng mua bán – xuất nhập khẩu để thực hiện thu mua nguyên vật liệu.

- Giai đoạn 2: Quản lý tiếp nhận vật tư.

Tất cả các tài liệu, chứng từ liên quan đến việc giao nhận vật tư sẽ được phòng mua bán-xuất nhập khẩu kiểm tra để có thể quản lý mọi chi phí liên quan, và thu xếp thuê vận chuyển vật tư. Phòng quản lý vật tư sẽ kiểm tra số lượng, phòng quản lý chất lượng sẽ kiểm tra chất lượng vật tư, nếu vật tư đã đạt yêu cầu thì phòng quản lý vật từ sẽ phát hành phiếu nhập kho. Thủ kho khi nhận được phiếu nhập sẽ tiến hành nhập kho vật liệu, in, dãn nhãn mác và phân loại vật tư.

- Giai đoạn 3: Quản lý cấp phát vật tư.

Căn cứ vào nhu cầu của sản xuất, phòng quản lý sản xuất sẽ lập phiếu xuất kho vật liệu cần dùng cho dự án, phiếu này sau khi được phê duyệt bởi phòng quản lý vật tư, thủ kho sẽ tiến hành xuất kho phục vụ sản xuất.

- Giai đoạn 4: Quản lý thu hồi vật tư.

Đốc công có nhiệm vụ thu hồi vật tư thừa, phế liệu thừa và thông báo với phòng quản lý vật tư, sau đó bộ phận sẽ phát hành phiếu "Phiếu thu hồi vật tư" để thủ kho tiến hành nhập lại.

- Giai đoạn 5: Công tác quản lý vật tư hàng tháng hoặc định kỳ.

Định kỳ cuối tháng phòng quản lý vật tư tính toán ra số vật liệu tồn và in danh sách tồn kho, sau đó yêu cầu thủ kho kiểm tra thực tế và đối chiếu lại. Nếu có sự chênh lệch giữa danh sách và thực tế thì phải tìm ra nguyên nhân và in báo cáo tồn kho cho bộ phận thiết kế có kế hoạch mua sắm vật tư.

Sơ đồ 2.4 tổng hợp quy trình quản lý vật tư tại Công ty Hanvico như sau:

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico.

2.2.2.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico.

Căn cứ vào từng dự án mà Công ty Hanvico nhận được phòng thiết kế có trách nhiệm nghiên cứu và lên danh sách về số lượng, chủng loại vật tư chủ yếu cần dùng cho dự án đó, đồng thời lập kế hoạch sử dụng chi tiết vật liệu này để các bộ phận khác trong Công ty có kế hoạch thu mua, xuất vật tư phục vụ kịp thời cho sản xuất. Nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là được nhập khẩu và từ nhiều nguồn khác nhau, như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Inđônêsia, và một số nước khác.

Dựa vào hợp đồng thương mại, hóa đơn bán hàng, tình trạng của vật liệu chuyển đến Công ty, cán bộ phòng quản lý vật tư sẽ kiểm tra số lượng, cán bộ phòng quản lý chất lượng sẽ kiểm tra chất lượng. Nếu vật tư đã đạt yêu cầu, thì căn cứ vào hóa đơn bán hàng phòng quản lý vật tư sẽ tiến hành lập phiếu nhập kho.

Phiếu nhập kho của Công ty được lập thành 04 liên:

- Liên 1: Lưu tại phòng quản lý vật tư.
- Liên 2: Lưu tại phòng Kế tóan.
- Liên 3: Lưu tại bộ phận quản lý kho.
- Liên 4: Gắn vào hóa đơn của đơn vị bán hàng làm chứng từ thanh tóan.

Đơn giá trên phiếu nhập kho của Công ty chính bằng đơn giá trên hóa đơn bán hàng của nhà cung cấp mà chưa bao gồm những chi phí liên quan đến việc thu mua nguyên vật liệu. Tất cả mọi loại chi phí này như: thuế nhập khẩu, thuế gía trị gia tăng hàng nhập khẩu, chi phí vận chuyển, bốc dỡ, cước biển, chi phí bảo hiểm hàng, ... đều do phòng mua bán-xuất nhập khẩu thoi dõi và thanh tóan. Khi nhận được hóa đơn thanh tóan các khỏan chi phí này từ phòng mua bán-xuất nhập khẩu chuyển sang, kế tóan sẽ lập chứng từ ghi sổ phản ánh những chi phí này, và ghi sổ kế toán.

Cụ thể: Ngày 1/7/2009 phòng thiết kế phát hành phiếu yêu cầu mua sắm vật tư số M1-09-555, yêu cầu mua 08 loại nguyên vật liệu chính, trong đó có thép Angle

L50x50x6-10000'A36, số lượng yêu cầu là 35 Pc (tấm) để phục vụ cho dự án Shuweihat casing có ký hiệu là A313A, và ngày cần sử dụng là ngày 16/7/2009.

Căn cứ vào phiếu yêu cầu này phòng mua bán-xuất nhập khẩu đã ký hợp đồng thương mại ký hiệu PO145 với Công ty Daico ở Hàn Quốc để mua những vật liệu được yêu cầu. Ngày 7/7/2009 khi hàng về đến Cảng Hải Phòng, thì cán bộ phòng mua bán-xuất nhập khẩu sẽ làm thủ tục Hải quan như: lập tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 4344 NK/SXXK/ĐTGC, phụ lục tờ khai và thuê vận chuyển vật tư về Công ty.

Ngày 08/07/2009 khi vật tư về đến Công ty, căn cứ vào hợp đồng thương mại PO 145, hóa đơn bán hàng của nhà cung cấp, phòng puản lý vật tư kiểm tra số lượng, phòng quản lý chất lượng kiểm tra chất lượng vật tư, do đã đạt yêu cầu, phòng quản lý vật tư lập phiếu nhập kho số hiệu NK-Raw-125.

Sau đó, phiếu nhập kho này sẽ được chuyển cho thủ kho kho nguyên vật liệu chính, và thủ kho tiến hành nhập kho.

(Từ Biểu 2.1 đến 2.8)

2.2.2.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico.

Nguyên vật liệu của Công ty Hanvico nhập khẩu là để xuất dùng cho sản xuất sản phẩm mà các khách hàng đã đặt theo hợp đồng. Căn cứ vào tiến độ, nhu cầu của sản xuất và kế hoạch sử dụng vật tư mà phòng thiết kế đưa ra, phòng quản lý sản xuất sẽ tiến hành lập phiếu xuất kho vật tư cần dùng.

Trên phiếu xuất kho của Công ty chỉ thể hiện số lượng và không tính giá,việc tính giá vật tư xuất dùng thuộc trách nhiệm của phòng kế tóan, đến cuối mỗi tháng kế tóan vật tư tiến hành tính giá vật tư xuất dùng theo phương pháp giá đích danh.

Cụ thể: Ngày 12/7/2009 để phục vụ sản xuất phòng quản lý sản xuất đã lập phiếu xuất kho số hiệu XK-Raw-751, yêu cầu xuất thép Angle L 50x50x6x10000'A36 cho dự án A313A, số lượng 2 tấm.

Ngày 13/7/2009 phòng quản lý lập phiếu xuất kho số hiệu XK-Raw-768, yêu cầu xuất 18 tấm thép loại Angle L 50x50x6x10000'A36 cho dự án A313A.

Hai phiếu xuất kho này sẽ được phòng quản lý vật tư ký duyệt và chuyển xuống cho thủ kho để thực hiện xuất vật tư cho dự án.

(Biểu 2.9, Biểu 2.10)

2.2.2.3. Kế tóan chi tiết vật liệu ở kho.

Khi nhận được phiếu nhập kho, phiếu xuất kho đã đầy đủ xác nhận của những bộ phận liên quan, thủ kho tiến hành thực hiện việc nhập, xuất kho theo số lượng được yêu cầu. Sau đó, thủ kho sẽ in, dán nhãn mác, phân loại vật tư và vào thẻ kho.

Công ty tổ chức quản lý vật tư theo mã số, sở dĩ như vậy là do cùng một loại nguyên vật liệu có thể được yêu cầu trong hai phiếu yêu cầu khác nhau, hai phiếu này có thể được nhập khẩu từ hai nhà cung cấp khác nhau vì vậy dẫn đến tình trạng một nguyên vật liệu có nhiều giá cũng khác nhau. Do đó, để quản lý vật tư một cách hiệu quả nhất Công ty đã sử dụng mã vật tư, mã vật tư được thiết lập từ mã của phiếu yêu cầu mua vật tư và số thứ tự của vật tư trong phiếu yêu cầu đó.

Kế tóan chi tiết vật tư ở Công ty áp dụng theo phương pháp thẻ song song, nên đến cuối mỗi tháng thủ kho sẽ đối chiếu thẻ kho với sổ chi tiết nguyên vật liệu của phòng kế toán.

Cụ thể: Nguyên vật liệu thép Angle L50x50x6x10000'A36 được yêu cầu mua trong phiếu yêu cầu mua sắm vật tư có số hiệu M1-09-555, trong phiếu này yêu cầu mua 08 loại vật tư, trong đó loại thép trên có số thứ tự là 01, vì vậy mã số của vật tư này sẽ là M1-09-555/1.

Ngày 9/07/2009 khi nhận được phiếu nhập số hiệu NK-Raw-125, và ngày 17/7/2009 nhận được hai phiếu xuất số hiệu XK-Raw-751 và XK-Raw-768 thủ kho tiến hành nhập, xuất kho và mở thẻ kho cho vật tư có mã số M1-09-555/1 của dự án A313A trên 1 tờ thẻ kho riêng.

(Biểu 2.11)

2.2.2.4. Kế tóan chi tiết nguyên vật liệu ở phòng kế toán.

Khi nhận được phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, kế tóan vật tư tiến hành vào sổ chi tiết vật tư, do vật tư ở Công ty rất đa dạng, nhu cầu nhập, xuất lớn và liên tục, nên phòng kế tóan mở sổ chi tiết nguyên vật liệu thành 03 sổ riêng biệt: sổ chi tiết nhập, sổ chi tiết xuất và sổ chi tiết tồn vật tư. Mỗi nhóm nguyên vật liệu trong Công ty đều được theo dõi trên 03 sổ chi tiết trên.

Vì trên phiếu xuất kho của Công ty chỉ thể hiện số lượng mà không có số tiền, nên kế tóan vật tư có trách nhiệm xác định giá trị hàng xuất và vào sổ chi tiết xuất kho.Việc xác định đơn giá xuất kho được tính theo giá đích danh của từng mã số vật tư, vì tất cả sổ kế tóan của Công ty đều được lập trên màn hình Excel nên kế tóan sử dụng một số chức năng của chương trình này để hỗ trợ cho việc xác định đơn giá xuất kho.

Đến cuối tháng, căn cứ vào hai sổ chi tiết nhập và xuất kho, sử dụng chức năng Excel, kế tóan tính ra số lượng và giá trị nguyên vật liệu còn tồn kho và vào sổ chi tiết tồn vật tư.

Cụ thể: Khi nhận được phiếu nhập kho số hiệu NK-Raw-125, kế toán vật tư tiến hành ghi đầy đủ tất cả các thông tin trên phiếu nhập này vào sổ chi tiết nhập nguyên vật liệu chính tháng 7/ 2009 như sau:

(Biểu 2.12)

Cụ thể: Khi nhận được hai phiếu xuất số hiệu XK- Raw-751, và XK-Raw-768, kế tóan tiến hành xác định giá trị vật thép Angle L50x50x6-10000’A36 xuất kho như sau:

- Xác định mã vật tư trên hai phiếu xuất này là M1-09-555/1.

- Xác định xem số phiếu yêu cầu mua vật tư M1-09-555 là được mua trong tháng, hay là từ nhiều tháng trước: kế tóan sẽ vào sổ chi tiết tồn nguyên vật liệu chính tháng 6/2009, bôi đen cột "Số MPR", vào Edit, vào Find, gõ M1-09-555/1, kích vào Find all. Vì màn hình báo không tìm thấy cụm ký tự nào là M1-09-555/1, cho nên kế tóan xác định được là số phiếu yêu cầu này được nhập trong tháng 7/2009. Vì vậy, kế tóan vào sổ chi tiết nhập nguyên vật liệu chính tháng7/2009, thực hiện những thao tác như trên, và xác định được đơn giá của loại thép này 0.58 USD/ 1kg. Dùng một số thao tác khác kế toán xác định được khối lượng của 2 Pc là bằng 2*1,550.50/ 35=88.60 kg, khối lượng của 18Pc bằng (18*1.550.50/35) =797.40 kg . Khí đó, kế tóan tính ra trị giá vật tư xuất kho của phiếu xuất số hiệu XK-Raw-751 là bằng (88.60*0.58 USD) =51.74 USD, của phiếu xuất số hiệu XK-Raw-768 là bằng (0.58USD*797.40)=465.86USD, sau đó tiến hành vào sổ chi tiết xuất nguyên vật liệu chính tháng 7/2009.

(Biểu 2.13)

Cụ thể: Căn cứ vào hai sổ chi tiết nhập và xuất kho nguyên vật liệu chính tháng7/2009, kế tóan sẽ xác định được số lượng và giá trị tồn kho như sau:

- Xác định tổng số lượng xuất kho trong tháng7/2009 của thép Angle L50x50x6-10000'A36 có mã M1-09-555/1 bằng cách: vào sổ chi tiết xuất nguyên vật liệu chính tháng 7/2009, thấy cột "Số lượng" nằm trên cột "J" của màn hình Excel, và cột "Số MPR" nằm trên cột H, nên kế tóan gõ lệnh Sum if(H6:H202,"M1-09-555/1",J6:J202) và xác định được tổng số lượng vật tư xuất là 20 Pc.
- Tiếp theo kế toán vào sổ chi tiết nhập nguyên vật liệu chính tháng 7/2009, xác định số lượng nhập là 35 Pc. Lấy lượng nhập trừ đi tổng lượng xuất xác định được lượng tồn là 15 Pc, tương ứng với 664.50 kg = (1,550.50/35 * 15), vì Công ty sử dụng phương pháp giá đích danh nên giá nhập và xuất là như nhau và bằng 0.58USD, từ đó tính được trị giá vật tư tồn kho bằng 0.58USD*664.50Kg = 338.07 USD, kế tóan tiến hành vào sổ chi tiết tồn nguyên vật liệu chính tháng 7/2009.

(Biểu 2.14)

Song song với việc kế tóan vật tư vào sổ chi tiết nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu, kế tóan thanh tóan sẽ căn cứ vào hợp đồng thương mại, hóa đơn bán hàng, tờ khai Hải quan, để vào sổ chi tiết thanh tóan với người bán.

Cụ thể: Trên hợp đồng thương mại PO-145 phần 4.1 viết: "100% by T/T remittance within 50 days after shipment date", nghĩa là Công ty Hanvico sẽ thanh tóan bằng chuyển khỏan 100% giá trị lô hàng cho Công ty Daico(Hàn Quốc) trong vòng 50 ngày kể từ ngày chuyển hàng. Vì vậy, tại thời điểm kế toán thanh toán nhận được tập chứng từ gồm hợp đồng thương mại PO145, tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 4344/NK/SXK, hóa đơn bán hàng thì Công ty Hanvico vẫn còn nợ Công ty Daico số tiền theo hóa đơn bán hàng là 21,711.25 USD. Do đó, căn cứ vào những chứng từ trên kế toán thanh toán vào sổ chi tiết thanh tóan với Công ty Daico tháng 7/2009.

(Biểu 2.15)

2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán tổng hợp vật liệu tại Công ty Hanvico.

2.2.3.1. Kế tóan tổng hợp nhập nguyên vật liệu.

Kế tóan thanh toán có trách nhiệm theo dõi, phản ánh tình hình thanh tóan với nhà cung cấp phát sinh trong tháng, và vào sổ chi tiết thanh tóan với người bán. Sau đó, đến cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết, kế tóan sẽ vào sổ tổng hợp chi tiết thanh tóan với người bán.

Cụ thể : Trong suốt tháng 7/2009 khi phát sinh thêm nghiệp vụ kinh tế liên quan đến quan hệ thanh toán với Công ty Daico kế toán sẽ vào sổ chi tiết thanh toán với Công ty Daico. Đến cuối tháng 7/2009, trên sổ chi tiết thanh toán này kế toán cộng tổng số nợ phát sinh trong tháng là 67,980.49 USD, số còn nợ đầu tháng là 385.02 USD, và tính ra tổng số tiền phải trả là 68,365.51 USD, cuối cùng kế toán sẽ chuyển số liệu này sang sổ tổng hợp chi tiết thanh toán với người bán tháng 7/2009 để thoi dõi tổng quát tình hình công nợ của Công ty.

(Biểu 2.16)

Song song với việc theo dõi tổng hợp tình hình thanh tóan với các nhà cung cấp, hàng tháng kế tóan vật tư sẽ tập hợp tất cả các hợp đồng thương mại, hóa đơn bán hàng, tờ khai Hải quan, phục lục tờ khai, phiếu nhập kho, để lên danh sách liệt

kê các loại vật tư nhập khẩu. Danh sách này thể hiện chi tiết từ tên vật tư, mẫu mã, qui cách, số lượng, khối lượng, đơn giá, nhà cung cấp, mã số của hợp đồng thương mại, mã số của tờ khai Hải quan,…. Từ danh sách này kế tóan lập một bảng tổng vật tư nhập khẩu trong tháng chỉ thể hiện tổng giá trị từng hợp đồng, sau đó căn cứ vào bảng tổng hợp này kế tóan lập chứng từ ghi sổ, và vào các sổ cái có liên quan.

Cụ thể: Đến cuối tháng 7/2009, kế tóan tập hợp được có 26 hợp đồng thương mại thực hiện trong tháng, trong đó có hợp đồng thương mại PO145. Mỗi hợp đồng thương mại này có kèm theo 01 tờ khai Hải quan, 01 phụ lục tờ khai,01 hóa đơn bán hàng, 01 vận đơn, 01 phiếu nhập kho, và được kẹp chung với nhau thành 01 tập riêng biệt. Căn cứ vào 26 tập chứng từ này, kế tóan lập danh sách chi tiết vật tư nhập khẩu tháng 7/2009, từ danh sách chi tiết đó kế tóan lập bảng tổng hợp vật tư nhập khẩu tháng 7/2009 và lập chứng từ ghi số ký hiệu Imp 01/07. Sau đó, bảng tổng hợp này sẽ được gắn kèm chứng từ ghi sổ để làm căn cứ ghi sổ cái, và đưa vào lưu trữ.

(Từ Biểu 2.17 đến 2.19)

Công ty Hanvico nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư là để phục vụ sản xuất sản phẩm xuất khẩu, vì vậy thời hạn nộp thuế nhập khẩu là 275 ngày kể từ ngày Công ty nhận được thông báo thuế của cơ quan Hải quan về số thuế phải nộp. Hết thời hạn 275 ngày, Công ty phải làm thủ tục quyết tóan số nợ thuế với cơ quan Hải

quan. Nếu quá thời hạn nộp thuế mà Công ty mới xuất khẩu, hoặc không xuất khẩu sản phẩm theo hợp đồng xuất khẩu hàng hóa đã đăng ký với cơ quan Hải quan thì sẽ phị xử phạt chậm nộp thuế. Còn nếu Công ty có sản phẩm xuất khẩu trong thời hạn nộp thuế, thì không phải nộp thuế nhập khẩu của số nguyên liệu, vật liêu phục vụ sản xuất sản xuất sản phẩm đó.

Đối với Công ty Hanvico, giá trị của nguyên vật liệu, vật tư nhập kho, xuất kho là giá ghi trên hóa đơn bán hàng của nhà cung cấp mà không bao gồm các chi phí liên quan. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thu mua, nhập kho nguyên vật liệu, như: thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu, chi phí vận chuyển nguyên vật liệu từ Cảng về Công ty, chi phí bốc dỡ, cước biển, chi phí bảo hiểm,…đều do phòng mua bán-xuất nhập khẩu quản lý và thanh toán. Định kỳ 1 tuần 1 lần phòng mua bán-xuất nhập khẩu sẽ căn cứ vào những tờ khai hàng hóa nhập khẩu đến hạn nộp, lên danh sách các khoản thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu phải nộp, các loại chi phí đến hạn phải thanh toán,…, lập đơn xin xác nhận các khoản chi phí này và xin phê duyệt của Giám đốc Công ty. Sau khi đã được phê duyệt, phòng mua bán-xuất nhập khẩu sẽ trình những chứng từ liên quan đến đơn xin phê duyệt này cho phòng kế toán, để kế toán viết ủy nhiệm chi hoặc phiếu chi quỹ tiền mặt giao cho cán bộ phòng mua bán-xuất nhập khẩu đi thanh toán với khách hàng, và nộp tiền Nhà nước.

Sau khi thanh toán về, phòng mua bán-xuất nhập khẩu phải chuyển những hóa đơn, chứng từ chứng minh việc thanh toán với bạn hàng, với cơ quan Nhà nước, kế toán sẽ căn cứ vào đó để lập chứng từ ghi sổ, và vào sổ cái.

Cụ thể: Ngày 02/7/2009, căn cứ vào số thuế phải nộp những tờ khai thuế, cụ thể:

- Trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 235/NK/ĐTNT/ĐTGC: số thuế nhập khẩu là 738,419 VND, thuế VAT hàng nhập khẩu là 2,873,466 VND.

- Trên tờ khai số 2357/NK/ĐTNT/ĐTGC : số thuế nhập khẩu là 8,224,027 VND, thuế VAT hàng nhập khẩu là 5,960,292 VND

- Trên tờ khai số 2436//NK/ĐTNT/ĐTGC: số thuế nhập khẩu là 212,845 VND , thuế VAT hàng nhập khẩu là 1,509,468 VND

Phòng mua bán-xuất nhập khẩu tính được tổng số thuế nhập khẩu phải nộp của 03 tsờ khai trên là 9,175,291VND, và số thuế VAT hàng nhập khẩu là 10,343,226 VND, sau đó lập đơn xin xác nhận của Lãnh đạo về số các số thuế trên.

Ngày 03/07, sau khi đơn này đã được phê duyệt bởi Lãnh đạo, phòng mua bán-xuất nhập khẩu sẽ chuyển đơn này cùng với 03 tờ khai trên để kế toán tiến xuất quỹ tiền mặt chi cho nhân viên phòng mua bán-xuất nhập khẩu đi nộp tiền vào ngân sách Nhà nước và lập chứng từ ghi sổ VC30/7.

Ngày 9/7/09 khi nhận được giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, kế toán đối chiếu với chứng từ ghi sổ để xác định nội dung và số tiền nộp là khớp nhau. Sau đó căn cứ vào chứng từ ghi sổ này vào các sổ kế toán liên quan.

(Từ Biểu 2.20 đến 2.25)

Cụ thể: Ngày 20/6/09 tập hợp những khoản chi phí cước biển đã đến hạn thanh toán với Công ty Chosun Shipping và lên danh sách liệt kê những khoản chi phí này. Sau đó, họ sẽ lập đơn xin xác nhận của Giám đốc và chuyển cho phòng kế toán. Khi này, căn cứ vào hình thức thanh toán đã thỏa thuận, ký kết với Công ty Chosun Shipping trong hợp đồng thương mại, kế toán thanh toán sẽ lập đơn xin

chuyển tiền ra nước ngoài bằng fax, gửi cho ngân hàng Korea Exchange Bank chi nhánh Hà Nội, yêu cầu chuyển từ tài khoản của Công ty Hanvico sang tài khoản của Công ty Chosun Shipping (Hàn Quốc) tại ngân hàng Korea Exchange Bank chi nhánh Hàn Quốc số tiền là 2,502.75USD, với nội dung thanh toán cước biển của những hợp đồng F0905125, F0905120, F0905127, F0905131, F0906137 và hợp đồng F0905136. Sau đó, kế toán thanh toán xin phê duyệt của Kế toán trưởng và lập chứng từ ghi sổ KUC08/7.

(Từ biểu 2.26 đến 2.28)

Cụ thể: Ngày 9/7, căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0097050 của Công ty TNHH Xuân Hà, phòng mua bán-xuất nhập khẩu lập đơn xin phê duyệt của Giám đốc về chi phí thuê vận chuyển nguyên vật liệu từ Cảng về đến Công ty Hanvico, số tiền là 40,122,905 VND. Sau đó, họ sẽ chuyển đơn này cho phòng kế toán, và thủ quỹ sẽ viết ủy nhiệm chi với nội dung yêu cầu ngân hàng Vietcombank chuyển

từ tài khoản của Công ty Hanvico sang tài khoản của Công ty TNHH Xuân Hà số tiền trên và giao cho nhân viên phòng mua bán-xuất nhập khẩu đi thanh toán. Khi hoàn thành việc thanh toán, phòng mua bán – xuất nhập khẩu gửi cho phòng kế toán phiếu hạch toán của ngân hàng, sau đó kế toán tiến hành lập chứng từ ghi sổ.

(Từ biểu 2.29 đến 2.33)

2.2.3.1. Kế tóan tổng hợp xuất nguyên vật liệu.

Hàng tháng, kế tóan tập hợp và căn cứ các phiếu xuất, các sổ chi tiết xuất vật tư, kế toán lập báo cáo tổng hợp nguyên vật liệu xuất dùng vật tư trong tháng, lập chứng từ ghi sổ, và vào các sổ cái liên quan.

Cụ thể: Cuối tháng 7/2009 kế tóan vật tư tập hợp các pxuất kho trong tháng, đồng thời căn cứ vào Sổ chi tiết xuất nguyên vật liệu chính tháng 7/2009 xuất cho sản xuất chung và cho từng dự án bằng cách dùng câu lệnh Excel để thực hiện. Trên sổ chi tiết nguyên vật liệu chính, vì cột "Số chế tạo" nằm trên cột "G" của màn hình Excel,cột "giá trị" nằm trên cột "O", vậy để tính tổng giá trị xuất kho nguyên liệu chính cho dự án A313, kế tóan gõ câu lệnh: Sumif(G6:G202, "A313",O6:O202) và được trả lại giá trị là 1,067,309.44 USD. Tương tự như vậy kế tóan tính được giá trị xuất của các vật liệu khác cho các dự án khác và lập báo cáo sử dụng vật tư, lập chứng từ ghi sổ số hiệu GL 01/07. Chứng từ ghi sổ sẽ được kèm theo báo cáo sử dụng vật tư này để ghi các sổ cái, cũng như đưa vào lưu trữ.

Biểu 2.34, Biểu 2.35

Bên cạnh việc lập báo cáo sử dụng vật tư, khi được phòng quản lý sản xuất thông báo tên những dự án đã hoàn thành, kế tóan còn phải lập báo cáo tồn vật tư của những dự án đang thực hiện và những dự án đã kết thúc. Cũng bằng cách dùng

câu lệnh Excel để lọc và tính dữ liệu, kế tóan sẽ xác định được giá trị tồn của từng dự án và vào các báo cáo.

Cụ thể: Căn cứ vào Sổ chi tiết tồn kho nguyên vật liệu chính tháng 7/2009, và các sổ chi tiết tồn kho của các loại vật tư khác tháng 7/2009, kế tóan sẽ lập được báo cáo vật tư tồn của những dự án đang thực hiện tháng 7/2009, và báo cáo vật tư tồn của những dự án đã kết thúc tháng 7/2009.

Biểu 2.36, biểu 2.37

Hàng tháng căn cứ vào sổ chi tiết nhập, sổ chi tiết xuất, sổ chi tiết tồn vật tư các loại, kế tóan lập báo cáo tổng hợp nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu toàn Công ty để có thể tổng quát được tình hình biến động của chúng.

Cụ thể: Căn cứ vào sổ chi tiết nhập nguyên vật chính, sổ chi tiết xuất nguyên vật liệu chính, sổ chi tiết tồn nguyên vật liệu chính tháng 7/2009, và sổ chi tiết các loại vật tư khác, kế toán lập báo cáo nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu tháng 7/2009.

Biểu 2.38

Định kỳ đến cuối tháng căn cứ vào chứng từ ghi sổ, kế tóan vật tư vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, còn kế toán thanh toán thì khi phòng mua bán-xuất nhập khẩu chuyển đầy đủ chứng từ, căn cứ, và hoàn tất mọi thủ tục thì họ sẽ lập Chứng từ ghi

sổ và vào sổ đăng ký, đồng thời vào sổ cái các tài khỏan liên quan, lập bảng cân đối phát sinh và bảng cân đối kế toán cho từng tháng.

Cụ thể: Căn cứ vào các chứng từ ghi sổ trên: chứng từ ghi sổ số GL 01/07, chứng từ ghi sổ Imp 01/07, chứng từ ghi sổ VC30/7,…, kế tóan vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 7/2009. Sau đó đến cuối tháng, kế tóan vào sổ cái tài khỏan 152, 153, 151, 331, 621, 62774, 3333, 133 và các tài khoản khác. Đồng thời, căn cứ vào các sổ cái này kế tóan lập bảng cân đối số phát sinh tháng 7/2009, bảng cân đối kế tóan tháng 7/2009.

Biểu 2.39 đến 2.50

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TÓAN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CÔNG NGHIỆP NẶNG VÀ XÂY DỰNG HÀN-VIỆT

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán và quản lý nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico.

Trong những năm gần đây Hanvico luôn được đánh giá là một trong những doanh nghiệp công nghiệp lớn mạnh hàng đầu kinh tế, có được sự trưởng thành và phát triển đó là cả một quá trình phấn đấu không ngừng của toàn thể công nhân viên trong Công ty. Qua quá trình nghiên cứu thực tế tại Công ty Hanvico em nhận thấy trong công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu ở đây đã có những ưu điểm nhưng cũng còn tồn tại một số hạn chế, em xin mạnh dạn đưa ra dưới đây rất mong Công ty tiếp tục phát huy những ưu điểm đồng thời nhanh chóng khắc phục những nhược điểm nhằm mục đích hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý, sử dụng và hạch toán nguyên vật liệu trong thời gian tới.

3.1.1. Ưu điểm:

***** *Về công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu:*

- *Khâu thu mua*: Công ty đang áp dụng một quy trình quản lý vật tư từ khâu tiếp nhận, cấp phát đến thu hồi rất chặt chẽ và hiệu quả. Theo quy trình này cả 3 yếu tố số lượng, chất lượng, giá trị của vật tư mua vào đều được quản lý riêng biệt bởi 04 bộ phận khác nhau, đó là: phòng quản lý vật tư, phòng quản lý chất lượng, phòng mua bán-xuất nhập khẩu, phòng kế toán. Việc này làm cho khối lượng công việc ở mỗi phòng ban được giảm nhẹ mà lại tạo hiệu qủa rất cao trong công tác quản lý vật tư và cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác cho Ban lãnh đạo.

Nhờ áp dụng quy trình này, số lượng vật tư luôn được đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ và luôn ở trạng thái sẵn sàng cho sản xuất, vì vậy Công ty luôn tránh được tình trạng phải ngưng hay giảm cường độ lao động do thiếu hay phải chờ nguyên vật liệu, gây thiệt hại cho Công ty.

Bên cạnh đó chất lượng vật tư cũng luôn được đảm bảo đạt tiêu chuẩn cho sản xuất. Chất lượng vật tư không chỉ được kiểm tra ở khâu nhập kho mà còn được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi xuất dùng cho sản xuất, điều này đã giúp cho Công ty tạo được lòng tin, uy tín và thu hút được khách hàng.

- *Khâu bảo quản:* Công ty đã xây dựng được hệ thống nhà kho riêng biệt cho từng loại nguyên vật liệu và có thủ kho riêng. Hệ thống kho của Công ty hiện tại gồm có: kho vật liệu chính, kho vật liệu phụ, kho vật liệu hàn, kho vật liệu sơn, và kho vật liệu điện. Mỗi kho đều được lắp đặt các thiết bị bảo quản vật liệu riêng, các kho đều được xây dựng nơi thoáng mát, sạch sẽ đảm bảo cho nguyên vật liệu được đảm bảo tốt nhất, hạn chế ảnh hưởng của thời tiết, các thủ kho của từng kho này sẽ có tinh thần, trách nhiệm cao và trình độ chuyên môn tốt.

- *Khâu sử dụng:* Công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu, và kế hoạch tiêu thụ do phòng thiết kế đưa ra để chủ động có kế hoạch mua vật tư nên lượng tồn kho rất ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành sản phẩm sẽ hạ bớt phần nào.

Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ, mọi nhu cầu sản xuất được lập kế hoạch từ trước và được Giám đốc thông qua. . Trong khâu xuất kho, Công ty đòi hỏi sự chi tiết, rõ ràng và hợp lý về bộ phận sử dụng và mục đích sử dụng nguyên vật liệu cũng như mối liên hệ thống nhất giữa bộ phận quản lý sản xuất, quản lý vật tư, thủ kho, thông qua phiếu xuất kho, thẻ kho…

Chính sự thống nhất, chặt chẽ trong thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu đã giúp cho công tác quản lý, hạch toán nguyên vật liệu tại công ty được chính xác, đảm bảo vật liệu được sử dụng hợp lý, tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

** Về hình thức kế toán:*

- Công ty áp dụng hình thức kế tóan chứng từ ghi sổ là rất phù hợp với đặc điểm quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong Công ty Hanvico mỗi phòng ban phụ trách một mảng nhỏ như: phòng quản lý vật tư chịu trách nhiệm quản lý số lượng nhập, xuất, tồn; phòng mua bán-xuất nhập khẩu quản lý các chi phí liên quan đến việc nhập khẩu vật tư; còn phòng kế toán tính giá vật tư, và hạch toán các chi phí liên quan. Khi nhận được chứng từ, hóa đơn, số liệu của những phòng này chuyển sang kế tóan mới tiến hành hạch tóan, mà những số liệu là số liệu tổng hợp từ nhiều chứng từ. Vì vậy việc áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ là thuận tiện và hợp lý.

** Về việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban:*

- Quy trình hạch tóan, thủ tục để lập chứng từ ghi sổ căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ từ phòng ban khác chuyển sang là rất chặt chẽ. Tất cả các số liệu do phòng ban khác tập hợp chuyển sang phòng kế tóan đều phải xin xác nhận, phê duyệt của các Lãnh đạo mặc dù khi chuyển sang có kèm theo chứng từ gốc, những chứng từ ghi sổ do kế tóan lập từ những số liệu này đều được Giám đốc xác nhận lại và phê duyệt. Điều này chứng minh rằng số liệu kế tóan tại Công ty là trung thực, rõ ràng và đáng tin cậy.

3.1.2. Nhược điểm:

** Về việc quản lý vật tư:*

- Do khối lượng vật liệu chính lớn, đa dạng, nhiều chủng loại nên Công ty không bố trí xây dựng nhà kho mà chủ yếu tập trung tập kết vật liệu ngoài trời, tuy có bạt che phủ nhưng vẫn không tránh khỏi sự han gỉ của vật liệu.

** Về công tác hạch tóan kế tóan:*

- Tuy hệ thống sổ kế toán tương đối gọn nhẹ, nhưng lại chưa hoàn thiện, không rõ ràng, thậm chí còn khó hiểu và dễ gây nhầm lẫn trong khi tính tóan. Có thể nói hệ thống sổ kế toán Công ty đang áp dụng chưa thể đáp ứng được yêu cầu quản lý chặt chẽ và chưa phù hợp đặc điểm sản xuất kinh doanh phức tạp như của Công ty.

- Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm có kích cỡ lớn lại là hàng siêu trường, siêu trọng do vậy chủng loại vật tư nguyên liệu rất đa dạng dẫn đến số lượng sổ sách theo dõi rất lớn và phức tạp. Hiện nay, phòng kế tóan công ty vẫn thực hiện bằng tay trên sổ sách giấy tờ do vậy rất vất vả, việc áp dụng tin học chỉ là sử dụng chương trình excel để lập sổ và hỗ trợ cho việc tính tóan. Việc này đã làm cho hiệu quả quản lý đối với nguyên vật liệu cũng như hạch tóan kế toán bị hạn chế, vì chương trình này và hệ thống sổ kế tóan chưa đầy đủ để thuận tiện cho việc theo dõi, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho Ban lãnh đạo khi được yêu cầu.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Hanvico.

Qua quá trình thực tập tại Công ty, qua sự nghiên cứu tìm hiểu cùng với sự hướng dẫn nhiệt tình của tập thể cán bộ tại Công ty, em xin phép được đưa ra một số kiến nghị trong công tác hạch tóan nguyên vật liệu như sau:

** Về việc quản lý vật tư:*

- Với vật liệu chính như: các loại thép tấm, thép hình, thép ống… có kích cỡ lớn, chiều dài lớn do Công ty không thể xây dựng nhà kho bảo quản mà chỉ tập kết tại các bãi tập ngoài trời, tuy có bạt che phủ nhưng không tránh khỏi tình trạng han gỉ, thất thoát, giảm chất lượng vật tư. Mặt khác, vật tư cũng chưa được phân vùng hợp lý các chủng loại vật liệu riêng biệt nên có tình trạng vật liệu để chồng chéo, lẫn các loại với nhau, rất khó trong công tác tìm kiếm vật liệu để sử dụng cho các dự án, vì vậy Công ty nên mở rộng diện tích bãi tập kết vật liệu, khoanh vùng và đặt hệ thống biển báo cho từng chủng loại vật liệu riêng.

- Với các loại nguyên vật liệu phụ cũng vậy, tuy đã có hệ thống nhà kho riêng nhưng qua tìm hiểu cho thấy việc quản lý vật liệu phụ cũng chưa được hợp lý, các loại vật liệu có kích thước nhỏ nhưng lại có số lượng lớn, các thủ kho chưa có cách sắp xếp hợp lý trong kho, chưa được phân loại chi tiết theo kích cỡ, chuyên dùng hay trọng lượng vận chuyển…do vậy khi theo dõi, quản lý cấp phát và phân bổ giá trị sẽ chưa đảm bảo được độ chính xác cao nên chúng thường bị lẫn vào nhau, vì vậy phòng quản lý vật tư nên cho chế tạo các giá đựng vật liệu, đánh tên và vị trí cho các chủng loại vật liệu để dễ dàng trong việc tìm kiếm.

** Về công tác hạch tóan kế tóan:*

- Phòng kế toán hạch tóan quá trình nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu trên các sổ chi tiết là không hợp lý, trong khi đó trên phiếu xuất của Công ty chỉ có số lượng mà không có đơn giá, vì vậy để tìm giá xuất kho vào sổ chi tiết xuất vật tư là rất bất tiện và dễ gây nhầm lẫn. Đồng thời việc theo dõi riêng biệt trên 3 loại sổ này cũng làm cho quá trình cập nhật vật tư tồn kho cho mỗi chủng loại là rất khó khăn, việc tính toán không có độ chính xác cao. Do vậy Công ty nên tổng hợp 3 loại sổ: sổ chi tiết nhập, sổ chi tiết xuất, sổ chi tiết tồn trên cùng một sổ chi tiết nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu để kế tóan phần hành nguyên vật liệu dễ dàng trong việc tính tóan và quản lý vật tư thừa cuối mỗi dự án. Để đơn giản và dễ theo dõi, Công ty có thể theo dõi nguyên vật liệu trên sổ chi tiết có mẫu như sau: Sổ chi tiết

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Công nghiệp và Xây dựng Hàn-Việt (Hanvico) đã giúp em nắm bắt được thực tế công tác kế toán tại Công ty từ khâu lập chứng từ kế toán, ghi chép hệ thông sổ kế toán, … Và đặc biệt được đi sâu vào tìm hiểu công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty. Từ đó đã giúp em có cơ sở đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn để củng cố và bổ sung thêm cho kiến thức lý thuyết được trang bị tại trường, rèn luyên kỹ năng của người cán bộ kế toán. Trên góc độ một kế toán tương lai, em thấy rằng cần phải nhận thức đầy đủ cả về lý luận và thực tiễn. Mặc dù có thể vận dụng lý luận và thực tiễn dưới nhiều hình thức khác nhau nhưng phải đảm bảo phù hợp cả về nội dung và mục đích của công tác kế toán. Những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty mà bài khoá luận đưa ra tuy còn mang nặng tính lý luận song em mong đó cũng là tài liệu để doanh nghiệp tham khảo phục vụ cho công tác quản lý của Doanh nghiệp.

Bài khoá luận được hoàn thành nhờ sự giúp đỡ tạo điều kiện của Ban lãnh đạo, đặc biệt là các cô chú trong phòng tài chính - kế toán và các thầy cô Công ty TNHH Công nghiệp và Xây dựng Hàn-Việt (Hanvico) trong bộ môn quản trị kinh doanh.

Em xin chân thành cảm ơn các bác, các cô các chú trong Công ty TNHH Công nghiệp và Xây dựng Hàn-Việt (Hanvico) đã hết lòng nhiệt tình giúp đỡ, cung cấp số liệu cho em hoàn thành bài khoá luận này. Em xin cảm ơn Ban lãnh đạo trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tạo điều kiện cho chúng em được tiếp xúc với thực tế công tác kế toán. Em xin gửi lời biết ơn sâu sắc tới các thầy cô trong trường nói chung và toàn thể thầy cô trong bộ môn quản trị kinh doanh nói riêng đã tận tình dạy dỗ, chỉ bảo chúng em trong suốt quá trình học tập. Qua đây, em xin gửi lời cảm ơn tới cô giáo Thạc sĩ Đồng Thị Nga đã trực tiếp hướng dẫn giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 29 tháng 06 năm 2009

Sinh viên

Đinh Thị Hồng Huyền

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán – NXB Tài chính – Hà Nội 2006
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp - Quyển 2: BCTC chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản Tài chính – Hà Nội 2006
3. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính – PGS.TS Nguyễn Văn Công
4. Tài liệu sổ sách kế toán công ty
5. Các khoá luận tốt nghiệp ngành kế toán - kiểm toán – Thư viện Đại học dân lập Hải Phòng